

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

BẢN CÁO BẠCH



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN TIỀN PHONG



Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102744865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/05/2008 thay đổi lần thứ 23 ngày 04/10/2016

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số ...89.../QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22... tháng 03.. năm 2018)

TỜ CHỨC TƯ VẤN

SSI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong

Địa chỉ: 57 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 37683683

Fax: (84-24) 37688979

Website: <https://tpb.vn/>

Công Ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

72 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (84-28) 38.242.897

Fax: (84-28) 38.242.997

Website: www.ssi.com.vn

Phu trách công bố thông tin:

Họ tên: Lê Quang Tiến

Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điện thoại: (84-24) 37683683

Fax: (84-24) 37688979

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN TIỀN PHONG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102744865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/05/2008 và điều chỉnh lần thứ 23 ngày 04/10/2016

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Mã chứng khoán:	TPB
Vốn điều lệ hiện tại:	5.842.105.000.000 đ (<i>tương đương: 584.210.500 cổ phần</i>) Trong đó: cổ phiếu ưu đãi cổ tức là 292.105.000.000 đồng (<i>tương đương: 29.210.500 cổ phần</i>)
Tổng số lượng niêm yết:	555.000.000 cổ phiếu (<i>Bằng chữ: Năm trăm năm mươi lăm triệu cổ phiếu</i>)
Tổng giá trị niêm yết:	5.550 tỷ đồng (<i>tính theo mệnh giá cổ phiếu</i>)

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM
Điện thoại: (84-28) 38.242.897 Fax: (84-28) 38.242.997
Website: <http://www.ssi.com.vn>

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3831 5100 Fax: (84-24) 3831 5090
Website: <http://www.ey.com>

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 6288 3568 Fax: (84-24) 6288 5678
Website: <http://www.deloitte.com/vn>

i


MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	5
1. Rủi ro về kinh tế	5
2. Các rủi ro khác	11
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	11
1. Tổ chức niêm yết – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (“TPBank”).....	11
2. Tổ chức tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn (“SSI”)	11
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	12
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	14
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	14
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	19
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty	19
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông	21
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết	23
6. Hoạt động kinh doanh	23
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	40
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	42
9. Nguồn nhân lực & Chính sách đối với người lao động.....	47
10. Chính sách cổ tức	48
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	48
12. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	50
13. Tài sản thuộc sở hữu Công ty	74
14. Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	74
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	78
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết	78
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết	78
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	80
1. Loại chứng khoán	80
2. Mệnh giá chứng khoán	80
3. Tổng số chứng khoán niêm yết.....	80

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật	80
5. Phương pháp tính giá.....	82
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	84
7. Các loại thuế có liên quan	84
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT	86
1. Tổ chức tư vấn.....	86
2. Tổ chức kiểm toán	86
VII. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN	88
VIII. PHỤ LỤC.....	89
1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	89
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết	89
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, 2016 và 2017.....	89

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty.....	21
Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....	21
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông.....	22
Bảng 4: Cơ cấu nguồn vốn huy động của TPBank, 2015 –2017	23
Bảng 5: Phân loại dư nợ theo khách hàng.....	24
Bảng 6: Phân loại dư nợ theo kỳ hạn của TPBank, 2015 –2017.....	25
Bảng 7: Chất lượng tín dụng, 2015 –2017.....	25
Bảng 8: Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối, 2015 – 2017.....	28
Bảng 9: Kết quả hoạt động dịch vụ, 2015 – 2017.....	28
Bảng 10: Phân loại trích lập dự phòng theo ngành nghề, 2017	30
Bảng 11: Kế hoạch xử lý nợ xấu của TPBank	31
Bảng 12: Danh sách chi nhánh/phòng giao dịch của TPBank	31
Bảng 13: Số dư tiền gửi khách hàng cá nhân của TPBank theo kì hạn.....	37
Bảng 14: Danh sách các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện.....	37
Bảng 15: Kết quả hoạt động kinh doanh của TPBank	40
Bảng 16: So sánh kết quả kinh doanh của TPBank với các ngân hàng niêm yết.....	45
Bảng 17: Cơ cấu lao động của TPBank	47
Bảng 18: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của TPBank, 2015 – 2017	48
Bảng 19: Danh sách hội đồng quản trị.....	50

Bảng 20: Tình hình tài sản công ty tính đến thời điểm 31/12/2017.....	74
Bảng 21: Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2018 – 2019.....	75
Bảng 22: Danh sách hạn chế chuyển nhượng 06 tháng và 01 năm kể từ ngày niêm yết.....	80

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. Rủi ro về kinh tế

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất,... chính sách kinh tế của Chính phủ sẽ có tác động nhất định đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các ngân hàng nói chung.

1.1. Rủi ro về tăng trưởng kinh tế

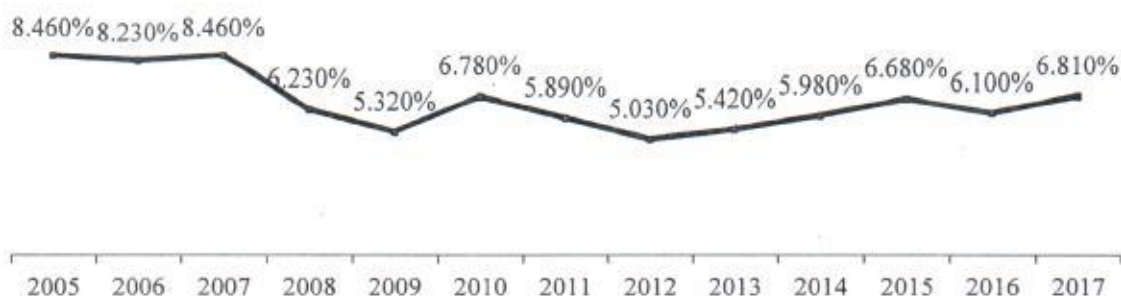
Trong những năm gần đây, nền kinh tế toàn cầu đã có những dấu hiệu phục hồi tích cực so với giai đoạn khủng hoảng trước đó. Việt Nam vì thế cũng nhận được những tác động tích cực từ sự phục hồi chung của nền kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, những nỗ lực của Chính phủ nhằm kích thích nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản của nền kinh tế như kiềm chế lạm phát, mặt bằng lãi suất và tỷ giá ổn định v.v đã giúp tình hình kinh tế vĩ mô nước ta trong những năm qua có bước chuyển biến tích cực. Những thay đổi mang tính đột phá về thể chế kinh tế trong năm 2015-2017, dù chỉ mới là bước đầu, đã có tác động tích cực đến môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và TPBank nói riêng.

Tăng trưởng GDP là nhân tố vĩ mô quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế và có ảnh hưởng lớn đến ngành dịch vụ. Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đã có nhiều khả quan với mức tăng lần lượt là 5,98% (năm 2014), 6,68% (năm 2015) và 6,1% (năm 2016). GDP năm 2017 tăng 6,81% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ tính riêng Quý IV, GDP đã tăng kỷ lục 7,65%. Kinh tế cả nước tăng đột biến chủ yếu ở các khu vực sản xuất dịch vụ; nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp công nghệ cao; công nghiệp chế biến, chế tạo; bán lẻ và du lịch. Các diễn biến này cho thấy nền kinh tế của Việt Nam đang dần phục hồi, sức mua được cải thiện, hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các ngành, các lĩnh vực đều có những chuyển biến tích cực.

Về triển vọng kinh tế vĩ mô Việt Nam, Ngân hàng Thế giới dự báo Việt Nam có triển vọng tăng trưởng tích cực trung hạn, tăng trưởng GDP dự kiến đạt mức 6,3-6,5%/năm. Bên cạnh những chuyển biến tích cực, nền kinh tế vẫn chứa đựng nhiều thách thức khi ổn định kinh tế chưa thực sự bền vững, phục hồi không đồng đều và tăng trưởng chủ yếu dựa vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI).

Trước những tác động khó lường của nền kinh tế, TPBank đã thực hiện xem xét một cách thận trọng trong việc lên chiến lược phát triển của mình trên cơ sở hạn chế tối đa những tác động tiêu cực đồng thời tận dụng lợi ích từ các chính sách ban hành, nhằm đảm bảo tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận mà TPBank đề ra.

Hình 1: Tăng trưởng GDP giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2017



Nguồn: Tổng cục thống kê

1.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là loại rủi ro phát sinh khi khách hàng không trả được nợ hoặc trả nợ không đúng hạn làm giảm hay mất giá trị tài sản có của Ngân hàng. Rủi ro này diễn ra trong quá trình cho vay, chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá, cho thuê tài chính, bảo lãnh, bao thanh toán của ngân hàng. Nghiệp vụ tín dụng là nghiệp vụ cơ bản của các ngân hàng thương mại Việt Nam, và là nguồn thu nhập lớn nhất cho các ngân hàng vì vậy, rủi ro tín dụng cũng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng mức rủi ro của hoạt động ngân hàng.

Hiện tại tỷ lệ nợ xấu của TPBank đang duy trì ở mức xấp xỉ 1%, thấp hơn so với mặt bằng chung của toàn ngành ngân hàng. Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng của TPBank được vận hành theo nguyên tắc độc lập và tập trung. Theo đó, công tác xây dựng chính sách rủi ro, xác định giới hạn rủi ro và công tác theo dõi, báo cáo và kiểm soát rủi ro được thực hiện độc lập và tập trung tại Khối Quản trị rủi ro. Các báo cáo của Khối Quản trị Rủi ro là cơ sở để Ủy ban Quản lý Rủi ro ban hành các chính sách phòng ngừa rủi ro tín dụng quan trọng. Ngoài ra, TPBank luôn thực hiện nghiêm chỉnh việc trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của NHNN hàng tháng.

Cách tiếp cận tổng thể của TPBank đối với rủi ro tín dụng là cách tiếp cận theo mức độ rủi ro. Theo đó, các quyết định phê duyệt, định giá tín dụng cũng như các biện pháp ứng xử về giám sát, phân luồng tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng đang được thiết kế phù hợp theo mức độ rủi ro của khách hàng. Để đạt được mục tiêu này, các hoạt động quan trọng mà TPBank đã và đang thực hiện bao gồm:

- Tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng dữ liệu phục vụ công tác xây dựng các hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại rủi ro theo chuẩn mực quốc tế;
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng và hệ thống chấm điểm;
- Định kỳ rà soát các chính sách/văn bản đảm bảo luôn đáp ứng tình hình thực tiễn và thống nhất với Chính sách khung Quản trị rủi ro;
- Hoàn thiện cơ chế giám sát chất lượng tín dụng cho toàn bộ vòng đời của khoản vay;
- Hoàn thiện hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng, và
- Kện toàn hệ thống thu hồi nợ và tái cấu trúc nợ.

1.3. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là khả năng giảm thu nhập do lãi suất thị trường thay đổi ngoài dự kiến gây tác động tới nhiều nhân tố khác như cấu trúc, kỳ hạn của tài sản và nguồn vốn. Tài sản và nguồn vốn của ngân hàng gồm nhiều kỳ hạn và lãi suất khác nhau. Khi kỳ hạn xác định lãi suất kết thúc, lãi suất sẽ bị thay đổi theo lãi suất mới trên thị trường, tạo thành các loại tài sản và nguồn vốn có độ nhạy cảm với lãi suất ở những mức độ khác nhau. Sự không phù hợp về kỳ hạn của nguồn và tài sản khi đó hình thành khe hở lãi suất, gây ra rủi ro lãi suất.

Trong trường hợp thu nhập từ lãi biên (NIM) bị thu hẹp dần sẽ làm giảm lợi nhuận từ lãi - nguồn lợi nhuận lớn nhất của các ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay. Đặc biệt, nếu lãi suất tiền gửi giữ ở mức thấp đã khuyến khích người dân chuyển sang nắm giữ các tài sản có giá khác và giảm tiết kiệm bằng đồng nội tệ. Như vậy, rủi ro với ngân hàng sẽ tới từ (i) tỷ suất sinh lời của các tài sản thấp hơn, (ii) thu hẹp hoạt động tín dụng và nguy cơ nợ xấu cao, (iii) chi phí huy động vốn tăng.

Để phòng tránh rủi ro lãi suất, Hội đồng Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có (Hội đồng ALCO) của TPBank, cùng với các bộ phận quản lý rủi ro của Ngân hàng có trách nhiệm nghiên cứu thị trường để đề xuất điều chỉnh cơ cấu tỷ trọng tài sản nợ nhạy cảm với lãi suất thị trường và tài sản có nhạy cảm với lãi suất trên từng thang kỳ hạn; phù hợp với xu hướng thay đổi của lãi suất.

1.4. Rủi ro ngoại hối

Rủi ro về ngoại hối phát sinh khi ngân hàng mở trạng thái ngoại hối để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh theo từng loại tiền tệ và vì thế ngân hàng có thể phải chịu một khoản lỗ khi tỷ giá ngoại hối biến động. Cụ thể, rủi ro tiền tệ đối với Ngân hàng bao gồm:

- Rủi ro tiền tệ trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ;
- Rủi ro tiền tệ trong hoạt động huy động vốn và cho vay, và
- Rủi ro tiền tệ trong hoạt động đầu tư.

Trạng thái tiền tệ nội bảng của TPBank năm 2017 được tóm lược trong bảng sau:

	EUR quy đổi	USD quy đổi	VND	Ngoại tệ khác
	<i>Đơn vị: triệu đồng</i>			
Tổng tài sản	263.086	13.017.130	111.592.823	429.327
Nợ phải trả và VCSH	254.334	13.455.356	110.297.418	111.639
Trạng thái tiền tệ	8.752	(438.226)	1.295.405	317.688

Nguồn: BCTC 2017, TPBank

Để quản trị rủi ro ngoại hối, TPBank xây dựng hệ thống chính sách quản lý rủi ro tập trung cho toàn hệ thống, trong đó Ngân hàng phát triển và áp dụng các công cụ phòng ngừa, quản lý giám sát rủi ro ngoại hối, đồng thời tự động kết chuyển toàn bộ trạng thái ngoại tệ của từng chi nhánh về Hội sở, duy trì tổng trạng thái ngoại tệ toàn hệ thống tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước và hệ thống quy định nội bộ. Các trạng thái ngoại tệ phát sinh vượt hạn mức được báo cáo kịp thời. Mặc dù Ngân hàng tin tưởng rằng đã áp dụng đầy đủ các công cụ quản lý và giám sát rủi ro ngoại hối, tuy nhiên những biến động bất lợi về tỷ giá sẽ có thể gây ảnh hưởng đến thu nhập thực tế của Ngân hàng trong tương lai.

1.5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi ngân hàng không có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ những công nợ đến hạn. Rủi ro thanh khoản phát sinh chủ yếu từ thực trạng hiện nay của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam là sử dụng nguồn vốn huy động ngắn hạn để cho vay trung hạn, đồng thời tỷ lệ cho vay/huy động luôn ở mức cao.

Rủi ro thanh khoản được tạo ra khi có sự chênh lệch thời gian đáo hạn của tài sản có và tài sản nợ (tức chênh lệch giữa dòng tiền ra và dòng tiền vào dự kiến. Chênh lệch kỳ hạn giữa tài sản có và tài sản nợ xảy ra do nhiều nguyên nhân: (i) thứ nhất, sự khác biệt tâm lý vốn có giữa người gửi tiền và người vay tiền; (ii) thứ hai, các ngân hàng luôn muốn tối đa hóa thu nhập lãi thuần (chi phí lãi thấp từ các khoản huy động ngắn hạn và thu nhập lãi cao từ các khoản cho vay/đầu tư dài hạn). Khi chênh lệch giữa dòng tiền vào và dòng tiền ra tạo thành khe hở lớn, trong khi khả năng huy động nguồn và bán các tài sản thanh khoản của ngân hàng để bù đắp chênh lệch bị trở ngại hoặc suy giảm sẽ gây ra rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản khi đi kèm với sự biến động đột ngột của lãi suất trên thị trường sẽ trở thành rất nghiêm trọng và có thể gây ra hiệu ứng dây chuyền trong hệ thống ngân hàng - tài chính.

Quản lý rủi ro thanh khoản tại TPBank được thực hiện trong một kế hoạch tổng thể về quản lý rủi ro thanh khoản và ứng phó với các sự cố rủi ro thanh khoản. Kể từ khi thành lập và đi vào hoạt động, Ngân hàng luôn bảo đảm duy trì khả năng thanh khoản và luôn tuân thủ các quy định về thanh khoản của NHNN, xây dựng khung quản lý rủi ro thanh khoản và giám sát rủi ro thanh khoản.

Kế hoạch dự phòng thanh khoản và Quy định về xử lý sự cố rút tiền hàng loạt đã được Ngân hàng ban hành và từng bước diễn tập thử nghiệm. Các quy định riêng biệt này để điều chỉnh các tình huống thanh khoản đặc biệt, khi tình huống xảy ra sẽ có ảnh hưởng sâu rộng và toàn diện đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Ngân hàng. Ngoài các nội dung trên, các quy định này cũng bao gồm các thủ tục và nguyên tắc thực hiện các yêu cầu phi tài chính như: phân công trách nhiệm các bên thông tin truyền thông và an ninh; hệ thống báo cáo nội bộ kịp thời, liên tục trong những tình huống cần thiết.

1.6. Rủi ro cạnh tranh

Hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại bước vào giai đoạn tăng trưởng cũng đồng nghĩa với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt. Các ngân hàng thương mại liên tiếp đưa ra các hình thức cạnh tranh như:

- Trực tiếp cạnh tranh về lãi suất huy động và lãi suất cho vay;
- Đẩy mạnh chất lượng dịch vụ, đơn giản hóa các quy trình thủ tục xử lý giao dịch, tăng cường trải nghiệm cho khách hàng qua các dịch vụ giá trị gia tăng;
- Giảm/miễn phí giao dịch và triển khai các chương trình chăm sóc khách hàng với các khách hàng thân thiết.

Việc thu hút và tìm kiếm khách hàng huy động/cho vay mới có thể ngày càng khó khăn, buộc TPBank phải thực hiện các chính sách duy trì khách hàng. Mặt khác, hình thức cạnh tranh giữa các ngân hàng thương mại ngày càng phát triển, không chỉ đơn thuần dựa trên dịch vụ mà là hoạt động cạnh tranh tổng thể về nhân sự, công nghệ, vận hành... tạo sức ép lên hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Cạnh tranh của các kênh đầu tư khác Cùng sự phát triển của thị trường tài chính, Ngân hàng có thể gặp rủi ro trong việc huy động tiền gửi trong bối cảnh ngày càng có nhiều kênh đầu tư thu hút nhà đầu tư tham gia như thị trường chứng khoán, bất động sản, vàng, ngoại tệ, hàng hoá..., làm giảm nguồn tiền đổ vào thị trường chứng khoán, từ đó ảnh hưởng đến khả năng tăng trưởng huy động của Ngân hàng.

Nhằm kiểm soát các rủi ro cạnh tranh, TPBank đã:

- Thực hiện chính sách giá tương đương với mặt bằng thị trường, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ, không trực tiếp cạnh tranh về giá.
- Hoàn thiện quy trình nghiệp vụ theo xu hướng số hóa (“paperless”), nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng.

1.7. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Ngân hàng gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh. Theo TT02/2013-NHNN quy định đối với các cam kết ngoại bảng, các ngân hàng thương mại chỉ thực hiện phân loại nợ để quản lý, giám sát chất lượng tín dụng, không thực hiện trích lập dự phòng rủi ro. Ngân hàng chỉ phải trích lập dự phòng khi rủi ro xảy ra.

Tổng các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn của TPBank tại 31/12/2017 là 69.699 tỷ đồng, bao gồm các nghĩa vụ liên quan đến cam kết giao dịch hối đoái (mua, bán và hoán đổi ngoại tệ), các cam kết thanh toán thư tín dụng... Các khoản này, một phần hoặc toàn bộ, đều có tài sản thế chấp (bất động sản, hàng hóa, v.v.) hoặc bảo đảm bằng giá trị ký quỹ. Mặc dù vậy, nếu xảy ra rủi ro, việc TPBank phải thực hiện các cam kết bảo lãnh này có thể ảnh hưởng bất lợi đến kết quả kinh doanh, tình hình tài chính trong tương lai của TPBank.

1.8. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp khi có những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh các hoạt động của doanh nghiệp, chiến lược phát triển ngành liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp. Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, TPBank chịu sự điều chỉnh bởi Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Ngân hàng Nhà nước, v.v. Trong khi đó, Việt Nam đang trong quá trình mở cửa và hội nhập với nền kinh tế thế giới, đặc biệt là lĩnh vực tài chính - ngân hàng là một lĩnh vực nhạy cảm, do vậy hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực này không ngừng được chỉnh sửa, bổ sung, ban hành để phù hợp với thông lệ quốc tế và cam kết của Việt Nam với các tổ chức quốc tế. Việc áp dụng không kịp thời các thay đổi các văn bản pháp luật điều chỉnh sẽ dẫn tới rủi ro về pháp luật đối với ngân hàng. Ngoài ra, hoạt động của Ngân hàng còn nằm trong phạm vi áp dụng của Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản dưới luật liên quan khác.

Là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, công ty đại chúng và tiến tới niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, TPBank sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan. Vì vậy, những thay đổi của các văn bản pháp lý trong lĩnh vực này cũng đều ảnh hưởng đến hoạt động của TPBank.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, TPBank liên tục cập nhật những thay đổi các quy định của luật pháp liên quan đến hoạt động của TPBank, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Để ngăn chặn các phát sinh theo hướng tiêu cực của rủi ro, TPBank đã xây dựng một hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực và tuân thủ các quy định của pháp luật..

Nhìn chung, chủ trương của Nhà nước là tạo môi trường kinh tế và pháp lý ngày càng thông thoáng, thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, và với ý thức chấp hành pháp luật tốt của TPBank, rủi ro pháp lý được đánh giá này thấp và không phải là vấn đề đáng quan ngại.

Về rủi ro TPBank là bên liên quan trong vụ án Phạm Công Danh giai đoạn 2

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2013 đến tháng 12/2013, TPBank đã cho vay tổng cộng 11 công ty có liên quan trong vụ án Phạm Công Danh, và tất cả các khoản vay của 11 công ty đều được Ngân hàng TMCP Xây dựng Việt Nam (“VNCB”) bảo lãnh/bảo đảm bằng tiền gửi của VNCB gửi tại TPBank. Ngoài ra, các khoản vay này còn được bảo đảm (cầm cố) bằng các trái phiếu do Tập đoàn Thiên Thanh và Công ty Trung Dung phát hành.

Do khách hàng vi phạm nghĩa vụ với TPBank, TPBank đã yêu cầu khách hàng trả nợ trước hạn, tuy nhiên các Khách hàng này không thực hiện việc trả nợ cho TPBank. Theo đó, căn cứ vào việc các khoản vay đều có tài sản bảo đảm, TPBank đã tiến hành trích tiền gửi của VNCB tại TPBank để thu hồi đầy đủ toàn bộ số nợ của 11 Công ty được VNCB bảo lãnh/bảo đảm, phần tiền còn lại đã được TPBank chuyển trả cho VNCB.

Kết luận giám định của Đoàn Giám định Ngân hàng Nhà nước khẳng định rằng việc VNCB bị TPBank trích nợ tự động số tiền 1.736.864.316.167 đồng (1.666.800.000.000 đồng tiền gốc và 70.064.316.167 đồng tiền lãi) để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho 11 công ty là phù hợp quy định pháp luật và thỏa thuận giữa các bên, và TPBank không có thiệt hại trong việc cho vay đối với 11 công ty liên quan đến Phạm Công Danh. Nội dung nêu trên của kết luận giám định cũng được ghi nhận trong kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Bộ Công an và cáo trạng của Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao.

Ngày 07/01/2018, Vụ án Phạm Công Danh giai đoạn 2 đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra xét xử sơ thẩm. Do còn một số nội dung chưa được làm rõ, ngày 07/02/2018, Hội đồng Xét xử đã ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung. TPBank sẽ tiếp tục phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm rõ Vụ án, đồng thời tham gia, theo dõi diễn biến của phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của TPBank. TPBank sẽ công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật khi có kết luận cuối cùng liên quan đến việc này.

1.9. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu niêm yết

Cổ phiếu TPB niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh giúp TPBank quảng bá thương hiệu nhằm nâng cao hình ảnh, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tạo điều kiện cho các cổ đông có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng; tạo cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn tài chính khác nhau trong nước và quốc tế, nâng cao việc chuẩn mực hóa quản trị và tăng tính minh bạch cho hoạt động kinh doanh của TPBank.

Tuy nhiên, rủi ro về biến động giá cổ phiếu TPBank sau khi niêm yết là điều khó tránh khỏi. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mỗi quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: tình hình hoạt động của TPBank, tình hình chính trị, xã hội, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, cũng như các thay đổi trong luật và những quy định trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, một điều rất quan trọng là giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường. Chính vì vậy, sự tăng giảm giá cổ phiếu của TPBank sẽ là một yếu tố rủi ro khó lường trước.

2. Các rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên, các rủi ro khác mang tính bất khả kháng cũng có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động của TPBank như: thiên tai, dịch họa, lụt lội, cháy, nổ, khủng bố, v.v. TPBank có định hướng phát triển thành ngân hàng số (digital banking), do đó Ngân hàng cũng chú trọng đến công tác nhận diện và đưa ra các biện pháp phòng ngừa rủi ro không gian mạng (cyber risk). Ngoài ra, TPBank có dự định tăng cường phát triển mảng bán lẻ, do vậy năng lực quản lý, hệ thống hỗ trợ, các công cụ kiểm soát phòng ngừa rủi ro gian lận phải được cân đối với kế hoạch đầu ra.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (“TPBank”)

Ông Đỗ Minh Phú Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã được kiểm tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn (“SSI”)

Bà Nguyễn Ngọc Anh Chức vụ: Giám đốc Phụ trách Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư phía Bắc

(Giấy ủy quyền số: 03/2014/UQ-SSI do Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ký ngày 17/10/2014)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tổ chức niêm yết : Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (“TPBank”)
- Điều lệ : Điều lệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong đã được Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng thông qua
- Vốn điều lệ : Là số vốn do tất cả các cổ đông góp
- Cổ phần : Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
- Cổ phiếu : Chứng chỉ do TPBank phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần
- Người có liên quan : Là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với TPBank trong các trường hợp sau đây:
- Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;
 - Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;
 - Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;
 - Người quản lý doanh nghiệp;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.
 - Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
 - Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để đầu tư phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.

Những thuật ngữ khác (nếu có) mà không được liệt kê ở trên sẽ được hiểu theo quy định trong Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010, Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.


Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

BCTC	:	Báo cáo tài chính
BKS	:	Ban kiểm soát
CBNV	:	Cán bộ nhân viên
Ngân hàng/ TPBank	:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong
CTCP	:	Công ty Cổ phần
DHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
ĐKKD	:	Đăng ký kinh doanh
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
HSX	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
LN	:	Lợi nhuận
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	:	Lợi nhuận trước thuế
NHNN/ NHNNVN	:	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
n/a	:	không áp dụng
SSI	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
Thuế TNDN	:	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TNCN	:	(thuế) Thu nhập cá nhân
TNDN	:	(thuế) Thu nhập Doanh nghiệp
UBCKNN	:	Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
VND	:	Đồng Việt Nam
Vốn CSH/VCSH	:	Vốn chủ sở hữu

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về Ngân hàng

Tên gọi Ngân hàng	:	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN TIỀN PHONG
Tên giao dịch tiếng Anh	:	TIEN PHONG COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
Tên viết tắt	:	TPBANK
Địa chỉ	:	57 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	(84-24) 37 683 683
Website	:	https://tpb.vn/
Logo công ty	:	
Mã số thuế	:	0102744865
Vốn điều lệ hiện tại	:	5.842.105.000.000 đồng
Mã chứng khoán	:	TPB
Giấy chứng nhận ĐKKD	:	0102744865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/05/2008 và điều chỉnh lần thứ 23 ngày 04/10/2016

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Ngân hàng bao gồm:

STT	Tên ngành nghề ĐKKD	Mã ngành
1	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	G4662
2	Hoạt động trung gian tiền tệ khác Chi tiết: - Kinh doanh ngân hàng - Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và làm dịch vụ Ngân hàng bằng ngoại tệ - Thực hiện nghiệp vụ phát hành và thanh toán thẻ nội địa và thẻ quốc tế Master Card - Hoạt động cung ứng các dịch vụ ngoại hối - Cung ứng dịch vụ thanh toán quốc tế - Thực hiện giao dịch mua bán ngoại hối trên thị trường nước ngoài - Mua, bán trái phiếu doanh nghiệp - Hoạt động nhận ủy thác và ủy thác cho vay	K64190

- Hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng
- Mở tài khoản:
 - + Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
 - + Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác
- Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia
- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ
- Dịch vụ môi giới tiền tệ
- Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng
- Dịch vụ quản lý tiền mặt
- Phát hành chứng chi tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, Quy định của Chính phủ về hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Gửi, nhận vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước

3 Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh

G4773

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.2.1. Lịch sử thành lập

Ngày 05/05/2008 đã trở thành một cột mốc trong lịch sử hình thành và phát triển của Tiên Phong Bank khi dự án Ngân hàng đã được nhận Giấy phép chính thức từ Ngân Hàng Nhà nước Việt nam với mức vốn Điều lệ ban đầu là 1.000 tỷ VND. Với sự chuẩn bị, đầu tư kỹ lưỡng trong hơn 1 năm, với đội ngũ gồm tầng dần hơn 300 thành viên đến từ nhiều tổ chức tài chính tự hội và quyết tâm cao độ để xây dựng một ngân hàng kiểu mới có nền tảng công nghệ và quản trị hiện đại, một môi trường làm việc khuyến khích sự phát triển của mỗi cá nhân.

Tầm nhìn

Trở thành một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam với các sản phẩm, dịch vụ tài chính trên nền tảng công nghệ hiện đại, tiên tiến góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh.

Sứ mệnh

- TPBank cung cấp sản phẩm/ dịch vụ tài chính hoàn hảo cho Khách hàng và Đối tác dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, tiên tiến và hiệu quả cao
- TPBank là tổ chức kinh tế hoạt động minh bạch, an toàn, hiệu quả và bền vững, mang lại lợi ích tốt nhất cho các Cổ đông.

- TPBank tạo điều kiện tối ưu để mỗi Cán bộ Nhân viên có cuộc sống đầy đủ về kinh tế, phát huy năng lực sáng tạo và phát triển sự nghiệp của bản thân.
- TPBank là tổ chức có trách nhiệm xã hội cao, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng với mục tiêu vì Con người và hưng thịnh quốc gia.

1.2.2. Quá trình phát triển – các cột mốc đáng nhớ

- Tháng 5/2008: Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TiênPhongBank) nhận Giấy phép thành lập của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và bằng lỗ lực không ngừng từ khi còn là Dự án, TiênPhongBank đã hoàn tất việc triển khai hệ thống ngân hàng lõi Flex-cube.
- Tháng 6/2008: Sau một tháng được cấp phép, TiênPhongBank chính thức khai trương hoạt động. Để mở rộng quan hệ hợp tác, TiênPhongBank đã ký kết hợp tác chiến lược toàn diện với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và khung hợp tác chung với Ngân hàng Citi Group.
- Tháng 8/2008: TiênPhongBank khai trương TiênPhongBank chi nhánh Hà Nội, đồng thời gia nhập chính thức liên minh mạng thanh toán lớn nhất Việt Nam – SmartLink. Cho ra mắt mắt hệ thống ngân hàng tự động MiniBank 24/7.
- Tháng 9/2008: TiênPhongBank chính thức đăng ký với UBCK hoạt động dưới hình thức Công ty đại chúng.
- Tháng 10/2008: TiênPhongBank khai trương TiênPhongBank - Chi nhánh Tp. HCM và ra mắt dịch vụ Internet Banking dành cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp.
- Tháng 12/2008: Sau hơn năm tháng đi vào hoạt động, TiênPhongBank nhận chứng chỉ ISO 9001: 2000 cho toàn bộ hoạt động, sản phẩm, dịch vụ của TiênPhongBank. Đây là cột mốc quan trọng góp phần thúc đẩy hoạt động quản trị, quản lý toàn diện theo chuẩn mực quản lý của quốc tế đối với hoạt động Ngân hàng.
- Năm 2009: Sau một năm hoạt động, Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất của TiênPhongBank được tổ chức tại tháng 3/2009 với việc thông qua các báo cáo, nghị quyết quan trọng là định hướng phát triển cho TiênPhongBank trong năm 2009 và các năm tiếp theo. Trong năm này TiênPhongBank khai trương các chi nhánh tại Cần Thơ, Hải Phòng, Đà Nẵng.
- Năm 2010: TiênPhongBank tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai vào tháng 3/2010 và tại năm này, TiênPhongBank chính thức được kết nối liên thông với hệ thống 1.100 máy ATM của Ngân hàng Đông Á (thuộc liên minh thẻ VNBC). Bằng việc kết nối này, ngoài việc giao dịch tại toàn bộ ATM của các ngân hàng trong liên minh thẻ Smartlink, Banknet, chủ thẻ ATM của TiênPhong Bank có thể giao dịch thêm tại 1.100 ATM của Ngân hàng Đông Á. Tháng 7/2010, TiênPhongBank nhận Giải thưởng về tỉ lệ điện chuẩn trong Thanh toán Quốc tế năm 2009 do Ngân hàng Wells Fargo (Mỹ) trao tặng. Tháng 8/2010, TiênPhongBank tiến hành tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng. Và trong năm 2010 Ngân hàng khai trương TiênPhongBank - Sở giao dịch tại Hà Nội và Chi nhánh Sài Gòn.
- Năm 2011: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường vào tháng 8/2011 và Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba vào tháng 4/2011. Đồng thời, trong năm 2011, TiênPhongBank còn khai trương Chi nhánh tại Đồng Nai, An Giang, Quỹ tiết kiệm Khâm Thiên và Quỹ tiết kiệm Nguyễn Trãi.

- Năm 2012: Tổ chức Đại hội đồng Cổ đông vào tháng 4/2012 và khai trương các Phòng giao dịch Lê Ngọc Hân, Phú Xuyên, Đình Tiên Hoàng. Tháng 11/2012, TiênPhongBank đạt Giải thưởng "Tin và Dùm" 2013 cho Dịch vụ Ngân hàng điện tử do độc giả Thời báo Kinh tế Việt Nam - Tạp chí Tư vấn Tiêu & Dùm bình chọn.
- Năm 2013: Ngân hàng chính thức tham gia thị trường vàng vào tháng 1/2013; đạt giải "Thương hiệu mạnh Việt Nam 2012" vào tháng 3/2013; tổ chức Đại hội đồng Cổ đông 3 vào tháng 4/2013; ra mắt giải pháp công nghệ eCounter - eGold và Thẻ tiêu dùm Đa tiện ích - các giải pháp công nghệ thông minh lần đầu tiên tại Việt Nam vào tháng 7/2013; đạt giải "Ngân hàng sáng tạo tiêu biểu" năm 2013 vào tháng 11/2013; ra mắt nhận diện thương hiệu mới với tên viết tắt là TPBank và đón nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích xuất sắc trong công tác tái cơ cấu vào tháng 12/2013. Đồng thời, trong năm 2013, TPBank khai trương rất nhiều Chi nhánh và phòng giao dịch.
- Năm 2014: TPBank trở thành Ngân hàng đầu tiên trên cả nước ra mắt phiên bản eBank trên nền công nghệ HTML5 có tính năng nhất thể hóa cả hai phiên bản Mobile Banking và Internet Banking vào tháng 9/2014 và vào tháng 12/2014, TPBank khai trương trụ sở mới tại 57 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Đồng thời, trong năm 2015, Ngân hàng đã khai trương rất nhiều Chi nhánh trên toàn quốc.
- Năm 2015: Trong năm này, TPBank đẩy mạnh việc khai trương ở nhiều địa điểm trên các địa bàn trên toàn quốc.
- Năm 2016: TPBank ra mắt phiên bản Ebank v.7.0 – tự do cá nhân hóa & Ebank Biz – HTML5 cho doanh nghiệp vào tháng 6/2016 và ra mắt thẻ tín dụng TPBank World MasterCard vào tháng 8/2016. Ngân hàng cũng đã đưa vào hoạt động hơn 10 điểm giao dịch mới trong cả nước theo phê duyệt của NHNN Việt Nam.

1.1 Quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty

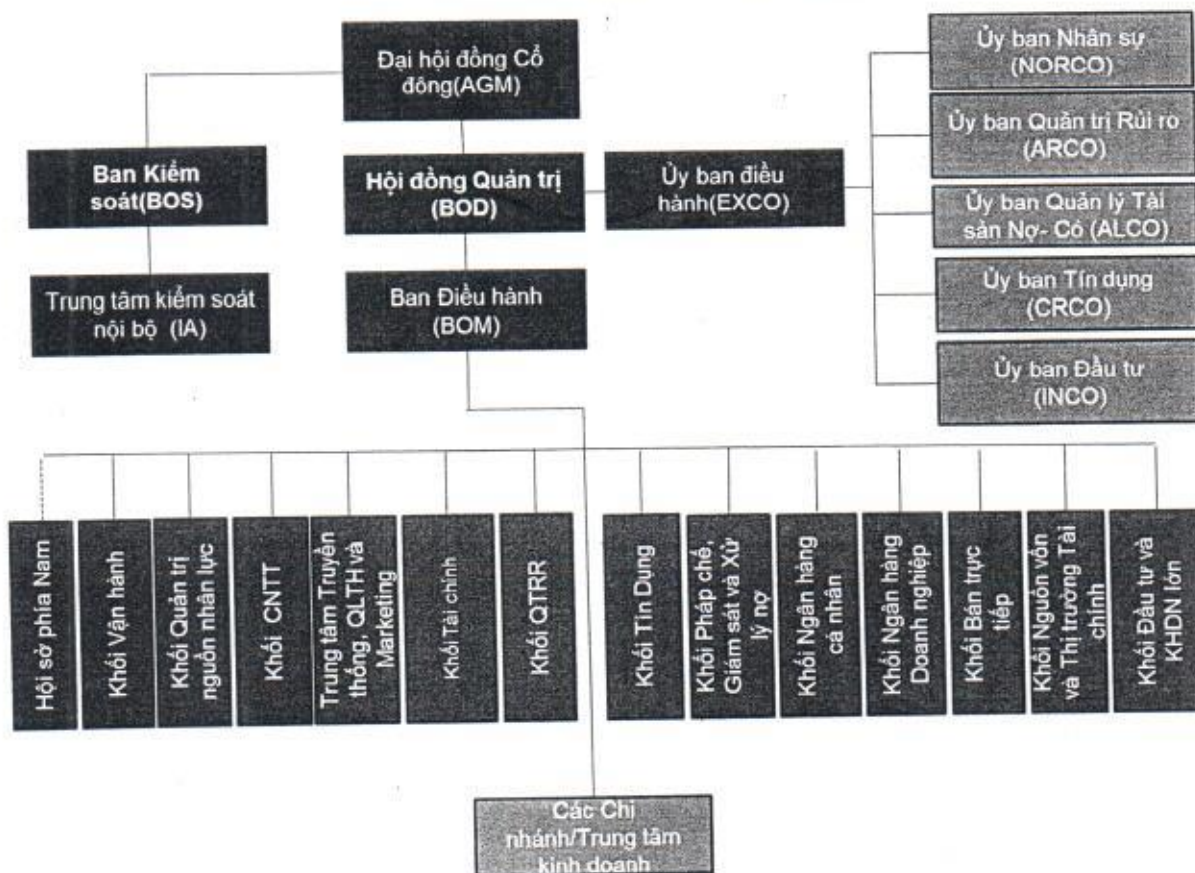
Quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty như sau:

Thời điểm tăng vốn	VĐL thực góp sau tăng (đồng)	Mức vốn tăng (đồng)	Phương thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Tháng 7,8 năm 2009	1.250.000.000.000	250.000.000.000	Phát hành riêng lẻ	Giấy phép số 1346/NHNN-HAN7 ngày 24/07/2009 của NHNN và Công văn 1804/UBCK-QLPH ngày 28/8/2009 của UBCKNN
31/03/2010	1.750.000.000.000	500.000.000.000	Chào bán ra công chúng	Giấy phép số 477/UBCKGCN của UBCK Nhà nước
24/08/2010	2.000.000.000.000	250.000.000.000	Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2010/NQ-TPB.ĐHĐCĐ ngày 26/3/2010 và thông báo chấp thuận của UBCKNN.

Thời điểm tăng vốn	VDL thực góp sau tăng (đồng)	Mức vốn tăng (đồng)	Phương thức phát hành	Cơ sở pháp lý
22/12/2010	3.000.000.000.000	1.000.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu	Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 742/UBCK-GCN
31/12/2012	5.550.000.000.000	2.550.000.000.000	Phát hành riêng lẻ	Văn bản số 8331/NHNN-TTGSNH của Ngân hàng Nhà nước; Công văn số 5229/UBCKNN-QLPH ngày 25/12/2012 của UBCKNN
25/08/2016	5.842.105.000.000	292.105.000.000	Chào bán riêng lẻ cho 1 nhà đầu tư (IFC)	Nghị quyết số 01/2016/NQ-TPB.DHĐCD; Nghị quyết số 11/2016/NQ-TPB.HHĐQT ngày 23/05/2016; CV số 5771/NHNN-TTGSNH ngày 28/07/2016 của NHNN Việt Nam, CV số 5160/UBCK-QLCB ngày 09/08/2016 của UBCKNN

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Hình 2: Sơ đồ bộ máy tổ chức của TP Bank



Nguồn: TPBank

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan nắm giữ quyền lực cao nhất của TPBank, thành phần bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng Cổ đông có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung sửa đổi Điều lệ Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban Kiểm soát, và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của TPBank, có toàn quyền nhân danh TPBank để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của TPBank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra, giám sát toàn diện mọi hoạt động của TPBank theo quy định. Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của

cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Ủy ban Điều hành

Là cơ quan thường trực của HĐQT có chức năng giải quyết các vấn đề thuộc chức năng do HĐQT ủy quyền.

Các Hội đồng, Ủy ban

Do HĐQT thành lập, làm tham mưu cho HĐQT trong việc quản trị Ngân hàng, thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh; đảm bảo sự phát triển hiệu quả, an toàn và đúng mục tiêu đã đề ra. Hiện nay, Ngân hàng có hai Hội đồng và một Ủy ban, bao gồm:

- **Ủy ban Nhân sự** : Do HĐQT thành lập, có chức năng tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu HĐQT, BĐH phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Ngân hàng, tham mưu về các vấn đề liên quan đến thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh HĐQT/BKS/BĐH, các vấn đề về lương thưởng, các chính sách đãi ngộ với cán bộ, nhân viên Ngân hàng
- **Ủy ban Quản trị Rủi ro**: Do HĐQT thành lập, có chức năng tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng, tham mưu trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng do HĐQT giao
- **Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ- Có (ALCO)**: Có chức năng quản lý cấu trúc bảng tổng kết tài sản của Ngân hàng, xây dựng và giám sát các chỉ tiêu tài chính, tín dụng phù hợp với chiến lược kinh doanh của Ngân hàng.
- **Ủy ban Đầu tư**: Do HĐQT thành lập, có chức năng tham mưu cho HĐQT về xây dựng và thực hiện kế hoạch đầu tư tài chính, phê duyệt các các hoạt động tài chính trong phạm vi thẩm quyền được phân công/ủy quyền.
- **Ủy ban Tín dụng**: Quyết định về chính sách tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng trên toàn hệ thống Ngân hàng, xét cấp tín dụng của Ngân hàng, phê duyệt hạn mức tiền gửi của Ngân hàng tại các tổ chức tín dụng khác.

Ban Tổng Giám đốc/Ban điều hành

Ban Tổng Giám đốc: là cơ quan quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Ngân hàng, Thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua, ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty trong phạm vi thẩm quyền của mình,...Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh trong Ban Tổng Giám đốc phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty

TT	Tên cổ đông	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ/VDL
1.	Công ty Cổ phần FPT	0101248141 cấp ngày 13/05/2002	Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	50.691.427	8,68%
2.	CTCP Tập đoàn Vàng bạc đá quý DOJI	0100365621 cấp ngày 11/04/2007	Tòa nhà Ruby Plaza, Số 44 Lê Ngọc Hân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	44.400.000	7,60%
3.	Tổng Công ty Cổ phần tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	28/GPDDC4/KDBH cấp ngày 12/08/2014	141 Lê Quân, Hoàn Kiếm, Hà Nội	30.000.000	5,14%

Nguồn: Danh sách cổ đông TPBank tại thời điểm 21/03/2018

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

TT	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ hiện tại	Tỷ lệ %/VDL hiện tại
1.	Công ty Cổ phần FPT	0101248141 cấp ngày 13/05/2002	Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phố Duy Tân, P.Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy, Hà Nội	50.691.427	8,680%
2.	Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	0100686209 cấp ngày 01/10/2015	Tòa nhà MobiFone - Lô VP1, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	5.549.914	0,950%
3.	Tổng Công ty cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	28/GPĐC4/KDBH H cấp ngày 12/08/2014	141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội	30.000.000	5,140%

4.	Lê Quang Tiến	CMT 011848049 cấp ngày 04/03/2008	P11 K2B TT Công ty FPT, P. Cống vị, Q. Ba Đình, Hà Nội	27.000.000	4,622%
5.	Trương Gia Bình	CMT 011435804 cấp ngày 14/02/2007	12a, Số 10 Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội	1.100.000	0,188%
6.	Vũ Quốc Khánh	VSDTPB011891 043 cấp ngày 17/05/1995	Số 100 Linh Lang, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	432.000	0,074%

Nguồn: Danh sách cổ đông TPBank tại thời điểm 21/03/2018

4.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1.	Cổ đông Nhà nước	35.549.914	6,09	2	2	0
2.	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	114.773.341	19,65	6	3	3
	- Trong nước	114.773.341	19,65	6	3	3
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
3.	Cổ đông lớn	125.091.427	21,41	3	3	0
	- Trong nước	125.091.427	21,41	3	3	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
4.	Cổ phiếu quỹ	6.016.056	1,029	1	1	0
5.	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	29.210.500	4,99996	1	1	0
6.	Cổ đông khác	389.810.603	66,72	603	13	590
	- Trong nước	273.565.603	46,83	598	8	590
	- Nước ngoài	116.245.000	19,90	5	5	0
TỔNG CỘNG		584.210.500	100	611	18	593
Trong đó: - Trong nước		438.755.000	75,11	605	12	593
- Nước ngoài		145.455.500	24,89	6	6	0

Nguồn: Danh sách cổ đông TPBank tại thời điểm 21/03/2018



5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết
Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Huy động vốn

Huy động vốn hoạt động được TPBank chú trọng nhằm đảm bảo nguồn giải ngân cho hoạt động cho vay, an toàn thanh khoản và tạo điều kiện cho sự tăng trưởng của hoạt động tín dụng, đầu tư.

Các sản phẩm huy động vốn của TPBank đáp ứng tốt nhu cầu tiền gửi, thanh toán của dân cư, tổ chức và doanh nghiệp bằng ngoại tệ và nội tệ.

Trên thị trường 1 (thị trường tập trung vào các đối tượng là cá nhân và các tổ chức kinh tế), TPBank đưa ra các sản phẩm huy động vốn đa dạng, tiện ích, cạnh tranh, bao gồm:

- Các tài khoản tiết kiệm lãi cuối kỳ, đầu kỳ, hoặc định kỳ; Tài khoản rút gốc linh hoạt;
- Chứng chi tiền gửi theo các kỳ hạn;
- Trái phiếu tổ chức tín dụng;
- Tài khoản thông minh EZLink;

Uy tín trong quá trình hoạt động, chính sách lãi suất phù hợp, các chương trình khuyến mãi và quà tặng hấp dẫn đã khiến thương hiệu và hoạt động của TPBank có sự tăng trưởng mạnh mẽ tại thị trường dân cư.

Thị trường 2: Là mảng thị trường tập trung vào các định chế tài chính (Tổ chức tín dụng, công ty tài chính...). Bên cạnh việc huy động vốn trên thị trường liên ngân hàng, TPBank đồng thời tham gia nhận vốn tài trợ của các định chế quốc tế như IFC, ADB trong các chương trình tài trợ thương mại.

Chi tiết Nguồn vốn huy động của TPBank trong các năm qua như sau:

Bảng 4: Cơ cấu nguồn vốn huy động của TPBank, 2015 –2017

Đơn vị: Triệu đồng

Mục lục	2015		2016		2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng khác	29.395.609	41,15%	41.245.246	41,20%	38.251.634	32,57%
Tiền gửi của khách hàng	39.505.447	55,30%	55.082.028	55,03%	70.298.586	59,86%
Phát hành giấy tờ có giá	-		-		3.481.154	2,96%
Tổng nguồn huy động TT1	68.901.056	96,44%	96.327.274	96,23%	112.031.374	95,39%



	2015		2016		2017	
và TT2						
Nợ phải trả khác	2.541.113	3,56%	3.773.249	3,77%	5.410.656	4,61%
Tổng nợ phải trả	71.442.169	100%	100.100.523	100%	117.442.030	100%

Nguồn: BCTC TPBank đã được kiểm toán năm 2015, 2016 và 2017

Hoạt động huy động vốn của TPBank biến chuyển tốt qua các năm, có sự kết hợp hài hòa giữa nguồn vốn từ khu vực dân cư/tổ chức kinh tế và thị trường liên ngân hàng tùy theo tình hình thanh khoản và cơ hội phát triển danh mục tài sản có. Tại 31/12/2017, tổng giá trị huy động tại thị trường 1 và thị trường 2 đạt 112.031 tỷ đồng, chiếm 95,39% tổng nợ phải trả. Trong đó, tiền gửi của khách hàng đạt 70.298 tỷ đồng, chiếm 59,86% tổng nợ phải trả, tiền gửi & tiền vay tổ chức tín dụng đạt 38.251 tỷ đồng, chiếm 32,57% tổng nợ phải trả. Tại 31/12/2017, tổng nguồn vốn huy động của TPBank tăng 17,32% so với cùng kỳ năm 2016.

6.2. Hoạt động tín dụng

Tổng dư nợ của TPBank có sự tăng trưởng mạnh mẽ trong các năm 2015 – 2017: Tổng dư nợ cho vay của TPBank tăng 67,58%, tập trung chủ yếu vào các phân khúc khách hàng cá nhân và SME. Tại thời điểm 31/12/2016, nhóm khách hàng cá nhân, Công ty TNHH và Công ty Cổ phần chiếm 91,15% tổng dư nợ của TPBank.

Phân tách dư nợ theo các nhóm khách hàng kinh tế của TPBank được trình bày trong bảng sau:

Bảng 5: Phân loại dư nợ theo khách hàng¹

Đơn vị: Triệu đồng

Phân loại theo khách hàng	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
Công ty TNHH nhà nước	648.352	1.140.953	1.704.430
Công ty TNHH khác	6.554.329	9.188.522	14.010.224
Công ty Cổ phần Vốn Nhà nước trên 50%	82.507	751.740	1.191.101
Công ty Cổ phần khác	7.491.312	13.420.251	20.399.062
Công ty hợp danh	4.189	932	582
Doanh nghiệp tư nhân	1.506.834	712.515	256.805
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	49.554	58.651	35.305
Hợp tác xã và Liên hiệp Hợp tác xã	12.411	37.123	64.599
Hộ kinh doanh, cá nhân	10.061.978	20.530.206	25.831.630

¹ Đã bao gồm dư nợ được mua trong năm tương ứng

Phân loại theo khách hàng	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	146.562	643.037	214.742
Thành phần kinh tế khác	1.682.294	841.852	298.768
Tổng cộng	28.240.322	47.325.782	64.007.248

Nguồn: BCTC TPBank đã được kiểm toán năm 2015, 2016 và 2017

Về kỳ hạn, với các sản phẩm mũi nhọn tập trung vào cho vay ô tô và cho vay mua nhà, các khoản cho vay trung dài hạn chiếm 70,51% tổng dư nợ của TPBank tại thời điểm 31/12/2017.

Bảng 6: Phân loại dư nợ theo kỳ hạn của TPBank, 2015 – 2017²

Đơn vị: Triệu đồng

Phân theo kỳ hạn	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
Ngắn hạn	15.196.727	17.905.580	18.703.802
Trung hạn	7.347.755	16.159.684	21.098.417
Dài hạn	5.695.840	13.260.518	24.205.029
Tổng cộng	28.240.322	47.325.782	64.007.248

Nguồn: BCTC TPBank được kiểm toán năm 2015, 2016 và 2017

Về chất lượng tín dụng, tỷ lệ nợ xấu của TPBank trong các năm 2015 – 2017 duy trì ổn định ở mức xấp xỉ 1% (từ 0,66% - 1,08% tổng dư nợ).

Bảng 7: Chất lượng tín dụng, 2015 – 2017³

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Dư nợ nhóm 1	27.466.561	45.808.218	62.211.166
Dư nợ nhóm 2	545.981	1.167.691	1.101.526
Dư nợ nhóm 3	37.704	81.831	254.740
Dư nợ nhóm 4	68.066	79.322	153.408
Dư nợ nhóm 5	80.198	169.905	280.833
Nợ tổn đọng không có tài sản bảo đảm và không còn đối tượng thu hồi nợ	41.812	18.815	5.575
Tổng dư nợ	28.240.322	47.325.782	64.007.248
Tỷ lệ nợ quá hạn	2,59%	3,17%	2,80%
Tỷ lệ nợ xấu	0,66%	0,70%	1,08%

Nguồn: TPBank

² Đã bao gồm dư nợ được mua trong năm tương ứng

³ Đã bao gồm dư nợ được mua trong năm tương ứng

6.3. Hoạt động đầu tư chứng khoán nợ, chứng khoán vốn

Danh mục chứng khoán đầu tư của TPBank được duy trì ổn định qua các năm. Tổng hợp danh mục chứng khoán đầu tư tại thời điểm 31/12/2017 như sau:

	31/12/2017
	Triệu VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	24.938.137
<i>Chứng khoán Nợ (a)</i>	24.622.968
- Chứng khoán Chính phủ	10.984.557
- Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	7.343.942
- Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	6.294.469
- Chứng khoán Nợ nước ngoài	-
<i>Chứng khoán Vốn (b)</i>	315.169
- Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	315.169
- Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	-
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(135.049)
<i>Trong đó:</i>	
- Dự phòng giảm giá chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán	(49.402)
- Dự phòng chung chứng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán	(85.647)
- Dự phòng cụ thể chứng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán	-
Giá trị thuần	24.803.088
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	994.187
Chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	994.187
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(332.273)
Giá trị thuần	661.914

Nguồn: TPBank

Trong đó, chi tiết về các chứng khoán vốn do TPBank đầu tư bao gồm:

	31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ (Triệu VND)	% sở hữu của Ngân hàng
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải phát hành ⁴	315.169	1,71%

Nguồn: TPBank

Tại thời điểm 31/12/2017, 42% tổng số dư chứng khoán TPBank đầu tư là trái phiếu chính phủ, 28% là trái phiếu các tổ chức tín dụng. Đây là các chứng khoán có tính thanh khoản cao, an toàn về giá trị được giao dịch phổ biến trên thị trường 2.

6.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán (Tình hình hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán, các dịch vụ thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế trong 2-3 năm gần nhất)

Diễn biến thị trường ngoại hối trong giai đoạn từ năm 2015 đến nay có nhiều biến động bất thường, đặc biệt trong nửa đầu năm 2017. Tỷ giá biến động tăng mạnh vào Quý I và giảm mạnh vào Quý II, chênh lệch lãi suất USD và VND quy trị mặt bằng cao trong suốt Quý I và Quý II /2017.

Theo quy định của NHNN, TPBank luôn đảm bảo trạng thái ngoại tệ trong biên độ (- 20%, +20%) trên vốn tự có. Để đáp ứng nhu cầu của Khách hàng, TPBank duy trì trạng thái dương, tuy nhiên sau đó tỷ giá giảm mạnh, gây lỗ về báo cáo ngoại tệ. Chi phí vốn của việc dương trạng thái ngoại tệ phục vụ nhu cầu Khách hàng đã ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh ngoại tệ. Tuy nhiên, bù lại Ngân hàng phát triển tốt được dịch vụ thanh toán, thương mại quốc tế, phát triển hệ thống khách hàng mới và thu phí ngoài lãi. Chi tiêu thu nhập phí của Ngân hàng tăng mạnh trong nửa đầu năm 2017.

Qua các năm, TPBank luôn chú trọng để đẩy mạnh kết quả hoạt động kinh doanh ngoại tệ:

- Tích cực phát triển dịch vụ thanh toán quốc tế, tài trợ thương mại quốc tế để hướng ngân hàng thành ngân hàng phục vụ, trong đó chất lượng dịch vụ và đủ nguồn ngoại tệ là biện pháp chú trọng.
- TPBank tích cực bám sát biến động của giá ngoại tệ trong nước và quốc tế, nắm bắt nhu cầu của Khách hàng để chủ động nắm giữ trạng thái ngoại tệ phù hợp, nâng cao hiệu quả kinh doanh ngoại tệ nói riêng và tổng các dịch vụ liên quan đến ngoại tệ nói chung.

⁴ Là trái phiếu do Vinaline phát hành được phép chuyển đổi thành cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Hàng Hải (mã chứng khoán MSB) theo công văn số 587/NHNN-TTGSNH ngày 27/01/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Theo đó ngày 27/01/2015, Ngân hàng TMCP Tiên Phong chính thức trở thành cổ đông của Ngân hàng TMCP Hàng Hải với tỷ lệ nắm giữ 2,52% vốn điều lệ tương đương số lượng cổ phiếu nắm giữ 20.133.896 cổ phiếu, trị giá 315.169 triệu đồng. Tại ngày 31/12/2017 TPBank đã trích lập dự phòng cổ phiếu MSB với số tiền là 49.402 triệu đồng.

Tại thời điểm 31/12/2017 vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Hàng Hải là 11.750 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ % TPBank sở hữu MSB là 1,71%.

- Tiếp tục chú trọng kiểm soát rủi ro ngoại hối, đảm bảo giữ đúng hạn mức trạng thái ngoại tệ, kiểm soát lỗ, lãi, tiến tới kiểm soát, đánh giá hoạt động kinh doanh ngoại tệ theo chuẩn mực quốc tế, tuân thủ quy định của ngân hàng Nhà nước.

Tổng hợp kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối và dịch vụ thanh toán của TPBank được trình bày trong bảng sau:

Bảng 8: Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối, 2015 – 2017

Đơn vị: Triệu đồng

	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	219.577	287.732	550.988
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay và vàng	81.038	129.484	236.810
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	138.539	158.248	314.178
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	268.390	229.760	540.740
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay và vàng	134.399	59.621	213.674
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	133.991	170.139	327.066
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	-48.813	57.972	10.248

Bảng 9: Kết quả hoạt động dịch vụ, 2015 – 2017

Đơn vị: Triệu đồng

	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	103.022	146.317	280.878
Thu từ dịch vụ thanh toán	54.670	72.441	125.677
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	2.392	2.895	3.955
Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	-	165	0
Thu khác	45.960	70.816	151.246
Chi phí cho hoạt động dịch vụ	34.639	60.199	115.815
Chi về dịch vụ thanh toán	28.995	46.422	83.043
Chi về dịch vụ ủy thác và đại lý	0	3.929	1.071
Chi về hoạt động ngân quỹ	3.771	4.806	7.448
Chi phí khác	1.873	5.042	24.253
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	68.383	86.118	165.063

Nguồn: BCTC TPBank đã được kiểm toán năm 2015, 2016 và 2017

6.5. Hoạt động ngân hàng đại lý

Hiện nay, TPBank có quan hệ đại lý với hơn 150 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng tại trên thế giới. Ngân hàng đã thiết lập quan hệ với các định chế lớn, có mạng lưới toàn cầu như Citibank, JP Morgan Chase, Standard Chartered Bank, Deutsche Bank, Commerzbank, ICBC... Ngoài ra, TPBank đang tham gia chương trình tài trợ thương mại của IFC và ADB với tổng hạn mức bảo lãnh tại thời điểm 30/09/2017 là 75 triệu USD, đến cuối năm 2017 hạn mức của IFC được nâng lên 40 triệu USD và của ADB là 90 triệu USD, tổng hạn mức là 130 triệu USD. Dự kiến việc mở rộng hệ



thống ngân hàng mạng lưới sẽ là tiền đề thiết yếu cho quá trình triển khai các sản phẩm thanh toán quốc tế của TPBank trong thời gian tới.

6.6. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

TPBank vận hành một mô hình quản lý rủi ro ba tầng bảo vệ, trong đó tầng bảo vệ thứ nhất là Đơn vị kinh doanh, tầng bảo vệ thứ hai là Khối Quản trị Rủi ro, và tầng bảo vệ thứ ba là các Ủy ban chuyên trách, kiểm toán nội bộ. Mỗi tầng bảo vệ lại có một loạt các trách nhiệm cụ thể về quản lý và kiểm soát rủi ro, đảm bảo rủi ro được kiểm soát theo hai cơ chế **tập trung** và **độc lập**.

Khối quản trị rủi ro tại TPBank hoạt động dựa trên các khung, chính sách về quản trị rủi ro và khẩu vị rủi ro đã được thiết lập tại TPBank. Khối quản trị rủi ro có trách nhiệm triển khai các vấn đề về nhân diện rủi ro trên cơ sở hồ sơ rủi ro của Ngân hàng trong từng mảng hoạt động cụ thể (rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro vận hành...). Sau khi nhận diện được các rủi ro mà ngân hàng phải đối mặt, Khối quản trị rủi ro sẽ đưa ra các chỉ số rủi ro, đo lường, lượng hóa và thiết lập hạn mức cho các chỉ số này, từ đó có các hoạt động theo dõi hạn mức và báo cáo lên các cấp. Cơ chế báo cáo được chia thành nhiều mức độ cảnh báo khác nhau tương ứng với các cấp độ báo cáo khác nhau: Báo cáo cho lãnh đạo Đơn vị kinh doanh, Báo cáo cho Giám đốc Khối quản trị rủi ro, Báo cáo cho Hội đồng quản trị (thông qua các cuộc họp Ủy ban ALCO, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban tín dụng), đồng thời đưa ra các biện pháp khắc phục.

Bên cạnh việc tuân thủ hệ thống văn bản pháp lý của Ngân hàng Nhà nước (Thông tư 09/2014/TT-NHNN ngày 18/03/2014 sửa đổi và bổ sung Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21/04/2013, Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 và Thông tư 19/2017/TT-NHNN ngày 28/12/2017 sửa đổi bổ sung Thông tư 36), TBBank cũng đã nghiên cứu và hướng tới việc tự áp dụng tiêu chuẩn quản trị rủi ro Basel II mặc dù không nằm trong nhóm ngân hàng thí điểm. Việc thực hiện Basel II không chỉ giúp tăng cường hệ thống quản trị rủi ro của Ngân hàng, mà còn đem lại nhiều giá trị trong xây dựng hệ thống quản lý hạn mức hiệu quả và phân bổ vốn hợp lý.

Trong năm 2016 và 2017, một số nội dung cơ bản đã được triển khai liên quan đến nâng cao năng lực quản trị rủi ro vận hành như

- Duy trì các công cụ kiểm soát rủi ro vận hành theo yêu cầu của Basel 2 như: Loss Data Collection, Key Risk Indicators, Risk and Control Self-assessment...qua đó nhận diện các rủi ro trọng yếu phát sinh để có thể tập trung nguồn lực xử lý các rủi ro này.
- Thực hiện một số chuyên đề rà soát, kiểm tra tại một số mảng hoạt động như Kho quỹ, CNTT, phối hợp với VP và IT kiểm tra trang thiết bị ANAT tại các ĐVKD, rà soát phân quyền và truy cập ứng dụng CNTT chính...
- Tiếp tục duy trì các kênh trao đổi thông tin với các đơn vị có chức năng kiểm tra, kiểm soát và đơn vị tiếp nhận ý kiến khách hàng như KTNB, KSS, Call Center... nhằm tận dụng kết quả kiểm tra, tối ưu nguồn lực & tránh chồng chéo trong việc triển khai công việc kiểm tra, kiểm soát.
- Tiếp tục xây dựng phương án duy trì kinh doanh liên tục cho các mảng hoạt động chưa được xây dựng kế hoạch, rà soát và cập nhật phương án dự phòng cho các mảng hoạt động có sự thay đổi.

6.7. Trích lập dự phòng và xử lý nợ xấu

Tổng hợp cơ cấu dự phòng được trích lập của TPBank trong năm 2017 như sau:

Bảng 10: Phân loại trích lập dự phòng theo ngành nghề, 2017

Số trích lập dự phòng cụ thể đã trích lập (triệu đồng)					
Phân loại theo ngành nghề	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Nợ tồn đọng (*)
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	171	5.246	138	57.869	
Công nghiệp chế biến, chế tạo	186	203	-	759	3.484
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải.	46	-	-	-	
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	4	14	6	99	
Giáo dục và đào tạo	2	-	-	-	
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	19	23	-	-	
Hoạt động dịch vụ khác	5.808	2.274	5.567	40.449	
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	13	-	-	-	
Hoạt động kinh doanh bất động sản	3	21	-	376	
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	15.530	6.775	19.884	46.760	
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	-	-	-	39	
Khai khoáng	10	-	-	361	
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	79	-	-	288	
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	30	-	-	19	
Thông tin và truyền thông	25	27	61	298	
Vận tải kho bãi	219	25	281	1.074	
Xây dựng	99	131	302	2.880	
Tổng cộng	22.243	14.740	26.239	151.271	3.484

Nguồn: TPBank

Tính đến 31/12/2017 Nợ xấu của TPBank là 1,08%, ở mức thấp trên toàn hệ thống các ngân hàng. TPBank áp dụng các biện pháp để kiểm soát nợ xấu như sau:

- TPBank luôn chú trọng tới công tác kiểm soát rủi ro tín dụng, đánh giá lại chất lượng và khả năng thu hồi của các khoản nợ để có biện pháp xử lý thích hợp. Đồng thời, TPBank thực hiện rà soát lại toàn bộ danh mục khách hàng, phân loại khách hàng theo thực tế tình hình tài chính như: nhóm khách hàng tài chính tốt, nhóm khách hàng có hoạt động kinh doanh tạm thời gặp khó khăn nhưng có khả năng hồi phục nếu được hỗ trợ, nhóm khách hàng không có khả năng trả nợ.

- Đối với những khách hàng có hoạt động kinh doanh tạm thời gặp khó khăn và chưa thể phục hồi ngay do ảnh hưởng của thị trường, TPBank thường xuyên theo dõi diễn biến dư nợ của khách hàng, đôn đốc khách hàng trả nợ đúng hạn, thực hiện cơ cấu lại nợ cho khách hàng, hỗ trợ vốn để khách hàng có thể khắc phục được khó khăn
- Đối với những khách hàng nợ xấu không còn hoạt động kinh doanh, TPBank đã trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo đúng quy định của NHNN. Đồng thời, TPBank tăng cường công tác thu nợ và áp dụng các biện pháp xử lý tài sản đảm bảo theo quy định của Nghị quyết số 42 của Quốc hội. Trong trường hợp, Đại diện của TPBank đã làm việc nhiều lần mà khách hàng không hợp tác, TPBank sẽ tiến hành các biện pháp khởi kiện, thi hành án, xử lý phát mại tài sản đảm bảo của khách hàng/ bên bảo đảm để thu hồi nợ.

Ngoài ra, để khai thác triệt để các ưu đãi, lợi thế, thuận lợi của hoạt động bán nợ cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), TPBank đã hoàn thiện hồ sơ, bán được nợ cho VAMC theo đúng quy định của pháp luật, góp phần “giãn” tiến độ, đưa nợ xấu vào vùng kiểm soát an toàn. Tổng hợp kế hoạch xử lý nợ xấu của TPBank được tóm lược trong bảng sau:

Bảng 11: Kế hoạch xử lý nợ xấu của TPBank

Kế hoạch xử lý thu hồi nợ xấu, 2017 (tỷ đồng)	
	<i>Đơn vị: Tỷ đồng</i>
Tổng nợ xấu tại 31/12/2017	688,98
Kế hoạch xử lý nợ xấu	
Năm 2018	183,85
Năm 2019	136,71
Năm 2020	159,73
Năm 2021	123,21
Năm 2022	85,49

Nguồn: TPBank

6.8. Thị trường hoạt động

6.8.1. Mạng lưới chi nhánh

Tại thời điểm 31/12/2017, TPBank có 1 Hội sở chính, 30 chi nhánh, 34 phòng giao dịch, 1 văn phòng đại diện và 116 máy ATM, CDM và VTM trên cả nước. Đồng thời, việc triển khai chiến lược ngân hàng điện tử, số hóa hệ thống sản phẩm đã đẩy mạnh hiện diện của TPBank, đặc biệt là qua hệ thống LiveBank. Đồng thời, TPBank đang sở hữu 48 LiveBank trên cả nước, tập trung tại Hà Nội, Thành Phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận. Danh sách chi nhánh của TPBank được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 12: Danh sách chi nhánh/phòng giao dịch của TPBank

Tên CN/ PGD	Địa điểm	Tỉnh/ Thành Phố	Thời điểm hoạt động
Trụ sở chính	Tòa Nhà TPBank, số 57, phố Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	Thành phố Hà Nội	05/05/2008
Chi nhánh Hà Nội	Số 22 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	Thành phố Hà Nội	08/08/2008

Phòng giao dịch Đông Đô	Tầng 1 tòa nhà LICOGI 13, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	14/11/2008
Phòng giao dịch Hà Thành	Tầng 1 nhà B tòa nhà số 2, phố Chùa Bộc, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	21/11/2008
Phòng giao dịch Trung Hòa Nhân Chính	Tầng 1, Tòa nhà 24T1, khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	16/02/2009
Phòng giao dịch Ba Đình	Số 37, phố Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội (12/8/2013 đổi địa chỉ từ Số 83 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội)	Thành phố Hà Nội	25/01/2010
Phòng giao dịch Đống Đa	95 Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, TP Hà Nội	Thành phố Hà Nội	08/05/2010
Chi nhánh Thanh Trì	Số 407-409 Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	28/10/2015
Chi nhánh Thành Đô	Tầng 1, khối nhà 2 (táp B), tòa nhà số 7 Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	Thành phố Hà Nội	15/01/2014
Chi nhánh Thăng Long	Số 129-131 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	Thành phố Hà Nội	10/11/2010
Phòng giao dịch Phạm Hùng	Tầng 1 Tòa nhà FPT, 17-19 Phố Duy Tân, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	06/06/2008
Phòng giao dịch Mỹ Đình	Tầng 1, Tòa nhà MDComplex, KĐT Mỹ Đình 1, Nguyễn Cơ Thạch, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Thành phố Hà Nội	22/07/2009
Phòng giao dịch Linh Đàm	Số 10BT1 Khu đô thị Bắc Linh Đàm, đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	11/11/2009

Chi nhánh Thanh Xuân	Số 194 Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	Thành phố Hà Nội	17/10/2016
Chi nhánh Tây Hà Nội	Số 535 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.	Thành phố Hà Nội	06/12/2014
Phòng giao dịch Sơn Tây	Số 314 Chùa Thông, Phường Sơn Lộc, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội.	Thành phố Hà Nội	15/07/2016
Phòng giao dịch Hà Đông	Số 38A Phùng Hưng – Hà Đông – Hà Nội	Thành phố Hà Nội	20/12/2016
Phòng giao dịch Chiến Thắng	139E+G, Đường Chiến Thắng, Quận Hà Đông, Hà Nội.	Thành phố Hà Nội	20/12/2016
Chi nhánh Hoàn Kiếm	38-40 Hàng Da, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	05/05/2010
Phòng giao dịch Lê Ngọc Hân	Tầng 1 Tòa nhà Ruby Plaza, số 44, phố Lê Ngọc Hân, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	08/05/2010
Phòng giao dịch Nam Hà Nội	Số 236 Lê Thanh Nghị, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	21/11/2008
Phòng giao dịch Hoàng Mai	Tòa nhà LICOGI 19, số 25 phố Tân Mai, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	15/11/2011
Phòng giao dịch Hồ Gươm	Số 26, phố Hàng Muối, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	Thành phố Hà Nội	07/03/2016
Phòng giao dịch Hai Bà Trưng	Số 300+302 phố Trần Khát Chân, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	17/01/2011
Phòng giao dịch Long Biên	số 489 Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, Hà Nội	Thành phố Hà Nội	15/11/2011
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 456A Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	08/09/2008
Phòng giao dịch Nguyễn Oanh	Số 112-114 đường Nguyễn Oanh, phường 7, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	10/01/2010

Phòng giao dịch Cộng Hòa	Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1 tòa nhà Tây Hồ, Số 73 đường Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	29/07/2009
Phòng giao dịch Gia Định	Số 481-483 đường Bạch Đằng, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	20/01/2010
Phòng giao dịch Tây Sài Gòn	Số 290 Lãnh Binh Thăng, phường 11, quận 11, TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	22/07/2010
Phòng giao dịch Tân Phú	Số 623 Lũy Bán Bích, P.Phú Thạnh, Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	05/05/2011
Phòng giao dịch Phú Mỹ Hưng	D204-D205 Lô R19-1 Khu phố Mỹ Toàn 3, P. Tân Phong, Quận 7, TP HCM	TP. Hồ Chí Minh	21/11/2016
Phòng giao dịch Tân Bình	Số 301 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	10/01/2010
Phòng giao dịch Đô Thành	93-95 Nguyễn Cư Trinh, Phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	21/04/2017
Chi nhánh Bến Thành	180 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	24/01/2014
Phòng giao dịch Bình Thạnh	81 và 93/5B, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.	TP. Hồ Chí Minh	18/11/2016
Phòng giao dịch Quận 4	Số 9 – 11, Hoàng Diệu, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.	TP. Hồ Chí Minh	21/11/2016
Chi nhánh Cửu Long	Số 445 Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí minh	TP. Hồ Chí Minh	03/06/2015
Chi nhánh Sài Gòn	Số 164B-166 Lê Hồng Phong, phường 3, quận 5, TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	09/09/2010
Chi nhánh Hóc Môn	Số 1/1 và số 1/2 ấp Trung Mỹ Tây, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, TP.Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	11/05/2016
Chi nhánh Bình Chánh	Số A22/5 Quốc lộ 50, Ấp Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Thành Phố Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	11/05/2016

Chi nhánh Hùng Vương	Số 32A Hậu Giang, phường 2, quận 6, TP Hồ Chí Minh.	TP. Hồ Chí Minh	26/06/2014
Chi nhánh Bình Dương	Số 309A-311, Đại lộ Bình Dương, phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	Tỉnh Bình Dương	18/02/2014
Chi nhánh Nghệ An	Lô 12, cụm CT1 Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	07/01/2015
Chi nhánh Quảng Ninh	Số 8, Đường 25/4, Phường Hồng Gai, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Tỉnh Quảng Ninh	06/11/2015
Chi nhánh Thanh Hóa	Lô 13,14 Phan Chu Trinh – Phường Điện Biên – Thành phố Thanh Hóa	Thành phố Thanh Hóa	23/11/2016
Chi nhánh Hải Phòng	Số 8 + 10 Cầu Đất, Phường Cầu Đất, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng	08/06/2009
Phòng giao dịch Tô Hiệu	Số 312 đường Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng	21/09/2011
Chi nhánh Nha Trang	Số 9F Lê Thánh Tôn, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hoà	07/01/2016
Chi nhánh Đà Nẵng	Tòa nhà Bưu Điện, 155 Nguyễn Văn Linh, P.Vĩnh Trung, Q.Thanh Khê, TP.Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	09/09/2009
Phòng giao dịch Bắc Đà Nẵng	353 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	19/12/2016
Chi nhánh Đắk Lắk	Số 56-58 đường Y Jut, phường Thống Nhất, thành phố.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	16/09/2015
Chi nhánh Cần Thơ	135 Trần Hưng Đạo, phường An Phú, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ	06/05/2009
Phòng giao dịch Bắc Cần Thơ	Số 25, Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.	Thành phố Cần Thơ	23/09/2016
Chi nhánh Đồng Nai	Số 264A đường Phạm Văn Thuận, khu phố 2, phường Thống Nhất, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	01/11/2011

Phòng Giao dịch Biên Hòa	Số 97 đường 30 tháng 4, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	13/10/2017
Chi nhánh An Giang	Tầng trệt và tầng 1 tòa nhà 204-204A Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Tỉnh An Giang	20/01/2011
Chi nhánh Bắc Ninh	302 Trần Hưng Đạo, Tp Bắc Ninh, Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	05/01/2018
Chi nhánh Nam Định	Số 238 Trường Chinh, phường Vị Hoàng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Tỉnh Nam Định	Chưa khai trương
Chi nhánh Quận 1	Số 159-161 Hàm Nghi, phường Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ chí Minh	Chưa khai trương
Chi nhánh Thủ Đức	Số 250 QL13 phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ chí Minh	Chưa khai trương
Chi nhánh Kiên Giang	Số 154 – 156 – 158 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang	01/12/2017
Phòng giao dịch Cẩm Phả	749-751 Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Tỉnh Quảng Ninh	23/01/2018
Phòng giao dịch Vinh	140 Đại lộ Lê Nin, Tp Vinh, Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	04/01/2018
Phòng giao dịch Dĩ An	Số 1 Nguyễn An Ninh, khu trung tâm hành chính, khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	08/12/2017

6.8.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

a. Dịch vụ ngân hàng bán lẻ (RB)

Với ưu tiên chiến lược phát triển hệ thống dịch vụ ngân hàng bán lẻ, khối khách hàng cá nhân đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm gần đây. Cụ thể:

- Số dư tiền gửi của Khối khách hàng năm 2017 đạt 37.832 tỷ đồng, tăng 26% so với năm 2016.
- Số dư cho vay khách hàng cá nhân năm 2017 đạt 25.832 tỷ đồng, tăng 26% so với năm 2016.

Đến thời điểm 31/12/2017, tổng số lượng khách hàng cá nhân của TPBank khoảng 2 triệu khách hàng,

Bảng 13: Số dư tiền gửi khách hàng cá nhân của TPBank theo kì hạn

Số dư tiền gửi khách hàng cá nhân	2015	2016	2017
Đến 1 tháng	933.983	1.372.714	1.920.300
Từ trên 1 tháng đến 3 tháng	6.798.860	3.417.045	2.530.408
Từ trên 3 tháng đến 12 tháng	7.409.548	7.308.630	2.672.103
Từ trên 1 năm đến 5 năm	7.445.463	17.875.510	30.706.787
Trên 5 năm	720	1.380	2.185
Tổng	22.588.574	29.975.278	37.831.783

Nguồn: TPBank

b. Dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (CB)

TPBank xác định đối tượng khách hàng SME là các doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh với doanh thu hàng năm dưới 1.200 tỷ đồng. TPBank thực hiện chiến lược thiết kế riêng các gói sản phẩm, giải pháp tài chính đặc thù phục vụ cho đối tượng khách hàng là các Doanh nghiệp vừa và nhỏ. Mô hình kinh doanh của TPBank với nhóm khách hàng SME đặt ra các tiêu chí về sự thuận tiện, tiến độ thẩm định, tiến độ giải ngân và nhu cầu khách hàng làm trọng tâm. TPBank hiện đang có hai trung tâm SME có trách nhiệm thúc đẩy bán, thiết kế và đệ trình chính sách sản phẩm với các khách hàng vừa và nhỏ.

c. Dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp lớn (CIB và IB)

Dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp lớn định hướng phục vụ tới các khách hàng doanh nghiệp có doanh thu trên 1.600 tỷ đồng/năm. Trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay của Việt Nam, số lượng doanh nghiệp có doanh thu trên 1600 tỷ đồng được dự báo sẽ tiếp tục tăng nhanh. Vì vậy Dịch vụ Ngân hàng Doanh nghiệp tiếp tục nghiên cứu phát triển các sản phẩm và dịch vụ phù hợp hơn với phân khúc thị trường đang phát triển này.

6.9. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Hiện tại, TPBank đang thực hiện 28 dự án đầu tư phát triển, chủ yếu trong các lĩnh vực số hóa/bảo mật/cải thiện hệ thống quản trị của Ngân hàng với tổng mức đầu tư đạt 108 tỷ đồng. Các dự án này dự kiến sẽ hoàn thành và đi vào hoạt động trong năm 2018, chi tiết cụ thể như sau:

Bảng 14: Danh sách các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

STT	Tên dự án	Mô tả ý nghĩa và tính năng của dự án
1	Bảo mật giao dịch trực tuyến thẻ quốc tế Visa/Master của TPBank	Bảo mật, xác thực các giao dịch trực tuyến của chủ thẻ TPBank Visa, Master tại các merchant trực tuyến.
2	Nâng cấp ATM EMV và Window7	Nâng cấp ATM theo chuẩn chip quốc tế EMV và Windows 7 theo quy định bảo mật PCI/DSS
3	Chuyển đổi thẻ nội địa sang thẻ chip theo quy định của Ngân hàng Nhà nước	Nâng cấp thẻ nội địa sang chuẩn chip theo quy định của Ngân hàng nhà nước

STT	Tên dự án	Mô tả ý nghĩa và tính năng của dự án
4	Xây dựng hệ thống mua sắm	<p>- Xây dựng hệ thống với các chức năng: Quản lý danh mục hồ sơ liên quan đến mua sắm, Xây dựng cây quản lý, nguyên tắc quản lý các hoạt động mua sắm, Xây dựng các báo cáo quản trị trên hệ thống Báo cáo tình trạng tạm ứng/thanh toán, Báo cáo tổng giá trị mua sắm trong tháng/quý/năm, Báo cáo về tình trạng hợp đồng/đơn hàng,...)</p> <p>- Quản lý ngân sách (liên quan đến hoạt động mua sắm) của các phòng ban/đơn vị có phát sinh nhu cầu mua sắm.</p> <p>- Triển khai xây dựng hệ thống áp dụng cho tất cả các hình thức mua sắm (bao gồm cả mua sắm tập trung, và phi tập trung).</p>
5	Khách hàng bí mật	- Thuê đối tác đánh giá về các giao dịch của TPBank để duy trì CLDV và là căn cứ tính KPIs cho ĐVKD
6	Khảo sát KH bên ngoài	- Thuê ngoài khảo sát Khách hàng để có kết quả khảo sát khách quan về DV, SP ngân hàng và so sánh vị thế với các Ngân hàng khác, đánh giá sự gắn bó, trung thành với Kh
7	Xây dựng cảm nang DVKH và xây dựng Văn hóa DVKH	Xây dựng cảm nang công việc cho GDV và đẩy mạnh CLDV TPBank
8	Dự án paperless	Dự án paperless đối với hoạt động kiểm soát văn bản toàn hàng và cải tiến eISO
9	Dự án Basel II Gap Analysis & MasterPlan	Đánh giá định tính năng lực kinh doanh của TPBank, từ đó xác định các sáng kiến đưa ra các phương án khắc phục khoảng cách và lên kế hoạch rủi ro tổng thể theo Basel II.
10	Dự án làm sạch dữ liệu phục vụ yêu cầu tổng hợp và báo cáo dữ liệu rủi ro (data cleansing)	Hiện tại dữ liệu lưu trên nhiều hệ thống IT (FCC, vận hành thẻ, e-bank,...) của TPBank đang không chính xác, đặc biệt là các dữ liệu liên quan đến TSBĐ, ngành kinh tế, mục đích vay của khách hàng,... Mục đích của dự án là thực hiện tổng rà soát và điều chỉnh lại dữ liệu lịch sử đã được lưu trong hệ thống trong ít nhất khoảng 2 năm gần nhất (có thể nhiều hơn nếu không gặp hạn chế về việc lưu trữ hồ sơ gốc), bảo đảm tính chính xác của các dữ liệu được RM sử dụng để phân tích và tổng hợp các báo cáo rủi ro phục vụ mục đích quản trị cũng như các yêu cầu báo cáo theo chuẩn mực Basel.
11	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu rủi ro cục bộ (risk data mart), các báo cáo rủi ro và tính toán chỉ số an toàn vốn theo yêu cầu của Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn/ nâng cao.	Xây dựng data marts cho các cấu phần báo cáo rủi ro và tính toán vốn theo yêu cầu của Basel. Việc thực hiện dự án sẽ giúp TPBank thiết lập được cơ sở hạ tầng và có được mô hình dữ liệu phù hợp để có thể tuân thủ với các yêu cầu tổng hợp dữ liệu và báo cáo của Basel II theo lộ trình của NHNN.
12	Xây dựng hệ thống Giám sát và Cảnh báo nợ sớm Early Warning System	<p>- Phân hệ kiểm soát sau vay ban đầu được phê duyệt thuộc tổng thể Dự án "Số hóa quy trình tín dụng - DCP", sau đó được chi đạo tách ra thành dự án độc lập.</p> <p>- Dự án sẽ triển khai giải pháp "Giám sát và Cảnh báo nợ sớm" nhằm thực hiện hai chức năng chính: + Chức năng "Giám sát": Giúp ĐVKD khởi tạo lịch KTSV, theo dõi cập nhật, lưu trữ thông tin và kiểm tra, kiểm soát kết</p>

STT	Tên dự án	Mô tả ý nghĩa và tính năng của dự án
		<p>quả, kiểm tra sau vay khách hàng</p> <p>+ Chức năng "Cảnh báo nợ sớm": Theo dõi, phân tích và phát hiện sớm các dấu hiệu rủi ro tiềm ẩn của KH vay trên cơ sở dữ liệu tín dụng đầu vào, thông tin thu thập trong quá trình hoạt động kiểm tra sau cho vay của ĐVKD và các thông tin từ hệ thống khác của TPBank</p>
13	Dự án Xây dựng khung Quản trị và Phát hiện gian lận nội bộ (Internal Fraud)	<p>Gian lận nội bộ là hình thức gian lận gây nhiều tổn thất cho các TCTD. Theo đánh giá của các chuyên gia, gian lận nội bộ chiếm 70-80% thiệt hại của các vụ gian lận tại TCTD do khó kiểm soát cách thức cũng như nguồn gốc phát sinh gian lận (số lượng nhân viên lớn, áp lực kinh doanh, ý thức tuân thủ kém...). Tại TPBank, gian lận nội bộ tuy chưa gây tổn thất lớn nhưng cũng đã có phát sinh. Ngoài các biện pháp kiểm tra trực tiếp và từ xa hiện đang được các đơn vị triển khai, theo đánh giá của QTRR Dự án này sẽ củng cố phương pháp luận cũng như có cách tiếp cận tổng thể và khoa học, đồng thời tận dụng được tài nguyên của đối tác về kinh nghiệm trên thế giới và Việt Nam.</p>
14	Nâng cấp hệ thống quản trị rủi ro trong giao dịch FX, MM, Bond nhằm kiểm soát hạn mức rủi ro thị trường và rủi ro đối tác tức thời	<p>Xây dựng phần mềm kiểm soát rủi ro trong giao dịch FX, MM, Bond theo các khía cạnh: Market risk, Counter Party risk nhằm kiểm soát hạn mức rủi ro thị trường và rủi ro đối tác tức thời</p>
15	Xây dựng chức năng quản lý dòng tiền và quản lý hạn mức đối tác trong giao dịch MM, FX trên phần mềm VMS	<p>Cập nhật giao dịch MM, FX và quản lý dòng tiền và hạn mức đối tác trên phần mềm VMS</p>
16	Nâng cấp phần mềm quản lý hoạt động kinh doanh Vàng - VMS	<p>Nâng cấp, bổ sung thêm một số tính năng cho phần mềm quản lý hoạt động kinh doanh Vàng: theo dõi và tính phí giữ hộ vàng, thu phí tự động, bổ sung chức năng hạch toán giao dịch nội bộ giữa FX và các DDSP chuyên trách</p>
17	Tự động hóa giao dịch ngoại hối	<p>Hạch toán tự động giao dịch ngoại tệ CN-KH, CN-HO</p>
18	CRM	<p>Mua thêm 500 user license do quy mô nhân sự bán tăng, nâng cấp các tính năng mới theo yêu cầu tích hợp với các hệ thống trong Eco System - Digital Bank</p>
19	Autobank (VTM, Live bank..)	<p>Mở rộng mạng lưới Phòng GD và trung tâm kinh doanh Tăng Huy Động và số lượng TK mới</p>
20	AVAYA DR	
21	Hard Token	<p>Mua 10K Hard Token</p>
22	Saving app (Digital Saving)	<p>Tập trung vào lớp KH trẻ tuổi, tìm kiếm KH, tăng lượng GD bằng cách cung cấp các tính năng của Payment Account Packaging sản phẩm và bán chéo cho KH dựa vào Data Analytics</p>
23	Qlik	<p>Công nghệ quản trị thông tin hệ thống</p>

STT	Tên dự án	Mô tả ý nghĩa và tính năng của dự án
24	AI	Thử nghiệm nền tảng AI cho sản phẩm
25	Facebook market place	Khởi tạo hiện diện của TPBank tại Business của các Online Retailer -> Acquire khách hàng và tăng lượng thẻ bán
26	Big DATA analytic	End to End Data Analytics suite từ việc capturing Data (internal & external), Storing và Analyse để chuyển thành công cụ KYC, Lead cho business
27	Remittance trên hệ thống distribution True Money/Legacy	Bán các sản phẩm, tăng lợi nhuận từ hoạt động chính là thanh toán quốc tế Tăng tính hệ thống, nhận diện của TPBank thông qua các hệ thống phân phối
28	Pay Any	Chuyển tiền thuận tiện qua mạng xã hội SMS và ATM

Nguồn: TPBank

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của ngân hàng

Bảng 15: Kết quả hoạt động kinh doanh của TPBank

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	% thay đổi
Tổng giá trị tài sản	105.782.009	124.118.747	17%
Vốn chủ sở hữu	5.681.486	6.676.717	11%
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	2.308.865	3.609.726	56%
Lợi nhuận trước thuế	706.554	1.205.711	71%
%LNTT/TOI	30,60%	33,40%	9%
Lợi nhuận sau thuế	565.211	963.609	70%
%LNST/TOI	24,48%	26,69%	9%
Tỷ lệ LNST trên VCSH bình quân	10,79%	15,59%	45%

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2015, 2016 và 2017 của TPBank

7.1.1. Tổng tài sản

Quy mô tổng tài sản của TPBank tăng trưởng mạnh qua các năm, đạt 124.040 tỷ đồng năm 2017, tăng 17% so với năm 2016. Sự tăng trưởng mạnh này chủ yếu là đến từ việc tăng trưởng tín dụng. Hoạt động tín dụng năm 2017 của TPBank được đánh giá tốt với tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính vượt kế hoạch đã đề ra, chi phí hoạt động và nợ xấu được kiểm soát tốt so với mức chung của toàn ngành. Chất lượng nợ tiếp tục được cải thiện và tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp, xấp xỉ 1% tổng dư nợ tại thời điểm cuối năm 2017.

Đối với phân khúc Khách hàng cá nhân, ngoài việc tiếp tục phát triển vững mạnh các lĩnh vực cho vay chủ đạo, các Khối kinh doanh đã nắm bắt được những cơ hội trên thị trường để tăng trưởng dư nợ core, gia tăng lợi nhuận và thị phần cho Ngân hàng. Trong năm 2017, TPBank cũng cho ra mắt nhiều sản phẩm mới phục vụ các đối tượng, phân khúc khách hàng khác nhau: thẻ TPBank World Mastercard Golf Privé & Club Privé...

Phân khúc Khách hàng Doanh nghiệp có tăng trưởng dư nợ tốt, ngân hàng đã giới thiệu hàng loạt sản phẩm dịch vụ cốt lõi theo kế hoạch phát triển sản phẩm từ đầu năm: Cho vay mua ô tô phục vụ mục đích đi lại, cho vay mua ô tô phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh; Sản phẩm thẻ tín dụng, trả lương qua thẻ; Liên kết hỗ trợ vay mua nhà...

Mảng Khách hàng doanh nghiệp cũng đã thực hiện 1 số chương trình cho vay ưu đãi hưởng ứng chủ trương của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước như gói 5.000 tỷ đồng hỗ trợ các doanh nghiệp doanh nghiệp vừa và nhỏ trong lĩnh vực ưu tiên. Năm 2016 là năm thứ 2 liên tiếp TPBank triển khai gói tín dụng 3.000 tỷ đồng dành riêng cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu với lãi suất chỉ từ 6,8%/năm. Trong năm 2016-2017, TPBank đã triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp với lãi suất ưu đãi, thủ tục nhanh chóng và mức vay lên đến 1 tỷ đồng. TPBank cũng đẩy mạnh các hoạt động liên kết, tài trợ với các doanh nghiệp ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

7.1.2. Vốn chủ sở hữu

Để đáp ứng nhu cầu vốn trong hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2016-2017, TPBank đã tiến hành tăng vốn điều lệ trong năm 2016 từ 5.550 tỷ đồng lên tới 5.842 tỷ đồng, tức là tăng khoảng 292 tỷ đồng theo phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông TPBank thông qua tại Nghị quyết số 01/2016/NQ-TPB.ĐHĐCĐ ngày 22/04/2016 và Hội đồng quản trị TPBank thông qua tại Nghị quyết số 11/2016/NQ-TPB.HHĐQT ngày 23/05/2016. Đây là đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty tài chính quốc tế (IFC).

7.1.3. Tổng thu nhập hoạt động thuần (TOI)

Tổng thu nhập hoạt động thuần năm 2017 của TPBank đạt 3.609 tỷ đồng trong đó thu nhập lãi thuần chiếm tỷ trọng cao nhất 88% tương đương với 3.172 tỷ đồng. Thu nhập thuần ngoài lãi đạt 437 tỷ đồng, chiếm 12%. Lợi nhuận trước DPRR tín dụng đạt 1.668 tỷ đồng. Năm 2017 ngân hàng đã trích lập 462 tỷ đồng DPRR tín dụng. Nhờ việc đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ cung cấp, đồng thời tăng cường tập trung vào phân khúc có tỷ lệ lãi cao, nâng cao chất lượng tài sản và hiệu quả trong việc huy động vốn và sử dụng nguồn vốn, giúp cho tổng thu nhập hoạt động thuần của TPBank tăng nhanh.

7.1.4. Lợi nhuận

Với sự tăng trưởng về tài sản cũng như chất lượng tín dụng, TPBank đạt được mức tăng trưởng cao về lợi nhuận. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế của TPBank trong năm 2017 đạt 963 tỷ đồng, tăng 70% so với lợi nhuận sau thuế năm 2016 là 565 tỷ đồng.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

7.2.1. Tình hình vĩ mô

Trong bối cảnh thị trường có rất nhiều biến động, khi chịu sự ảnh hưởng từ diễn biến giá dầu thô giảm mạnh, tăng trưởng thương mại thấp, nhu cầu và giá nông sản giảm mạnh,... đã gây ra nhiều bất lợi cũng như kho khăn tới toàn ngành ngân hàng nói chung và TPBank nói riêng.

Nền kinh tế Việt Nam đã có năm triển khai kế hoạch 2016-2020 thuận lợi khi tốc độ tăng trưởng GDP năm 2017 đạt 6,81%, cao hơn so với mục tiêu 6,7% đưa ra từ đầu năm cũng như so với mục tiêu trung bình 6,5%-7% của cả giai đoạn. Tuy so với mặt bằng chung của thế giới thì tốc độ tăng trưởng này vẫn rất tích cực, nhưng nền kinh tế vẫn chứa đựng nhiều thách thức khi tăng trưởng chưa bền vững, phục hồi không đều, tăng trưởng dựa nhiều vào khu vực FDI.

7.2.2. Hệ thống tài chính, ngân hàng Việt Nam

Tín dụng năm 2017 có dấu hiệu chững lại trong khi huy động được đẩy mạnh, phản ánh diễn biến tăng trưởng kinh tế và các chính sách mới được ban hành. Mặt bằng lãi suất huy động tăng nhẹ 0,1-0,23% do việc đẩy mạnh huy động tiền gửi. Trong khi đó, NHNN vẫn duy trì định hướng lãi suất cho vay thấp để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Độ vênh chính sách khiến lãi suất cho vay giảm ở mức cầm chừng và không tạo ra được sức loan tỏa toàn thị trường. Sau quá trình đẩy mạnh hoạt động mua bán nợ cho VAMC, nợ xấu báo cáo tại các ngân hàng đã đưa về dưới 3%. Tuy nhiên, nợ xấu ước tính lại theo số dư tại VAMC, nợ tiềm tàng chưa phân loại đúng,... vẫn ở mức cao. Một số chính sách được ban hành để đẩy nhanh quá trình xử lý nợ nhưng hiệu quả ở mức khiêm tốn.

Dự thảo về Hiệp ước vốn Basel II được ban hành với lộ trình áp dụng từ tháng 9/2017 tại 10 ngân hàng thí điểm. Các ngân hàng đang đẩy nhanh việc chuẩn bị nhưng vẫn đề tăng vốn gặp nhiều khó khăn. Phần lớn dựa vào nguồn cấp 2 để cải thiện tình hình trong ngắn hạn.

7.2.3. Về nợ xấu, tái cấu trúc và cạnh tranh ngành

Sau quá trình đẩy mạnh hoạt động mua bán nợ cho VAMC năm 2015, nợ xấu báo cáo tại các ngân hàng đã đưa về dưới 3%. Tuy nhiên, nợ xấu ước tính lại theo số dư tại VAMC, nợ tiềm tàng chưa phân loại đúng,... ở mức cao. Một số chính sách được ban hành để đẩy nhanh quá trình xử lý nợ nhưng hiệu quả ở mức khiêm tốn.

Lộ trình tái cơ cấu các tổ chức tín dụng đang được tiếp tục triển khai theo kế hoạch, giảm số lượng các tổ chức tín dụng dưới chuẩn, cải thiện từng bước chất lượng, sức cạnh tranh toàn hệ thống và từng tổ chức tín dụng. Tháng 12 năm 2016, tổ chức đánh giá xếp hạng quốc tế Fitch Ratings công bố Báo cáo đánh giá về triển vọng ngành ngân hàng Việt Nam năm 2017, cho biết: các ngân hàng Việt Nam đã cải thiện hơn tình trạng “sức khỏe” của mình; đồng tiền Việt Nam ổn định và lạm phát trong ngưỡng an toàn. Sự cộng hưởng và tác động đa chiều của những thành tựu đã đạt được tạo nên những cơ hội và thách thức, cho phép kỳ vọng về những tập đoàn tài chính - ngân hàng Việt Nam có tầm vóc hơn, có tính quốc tế và năng lực cạnh tranh cao.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

TPBank là ngân hàng phát triển nhanh nhất tại Việt Nam trong năm 2014 - 2016 so với toàn ngành và các doanh nghiệp cùng ngành. Được thể hiện bằng các tiêu chí sau:

Tốc độ tăng trưởng

Tăng trưởng tín dụng tăng trưởng vượt trội so với các ngân hàng có vốn điều lệ tương tự và các ngân hàng có số lượng mạng lưới/POS cao hơn. Tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay khách hàng của TPBank năm 2017 đạt 22%⁵, cao hơn so với tốc độ tăng trưởng tín dụng toàn ngành (xấp xỉ 18% trong năm 2017)⁶.

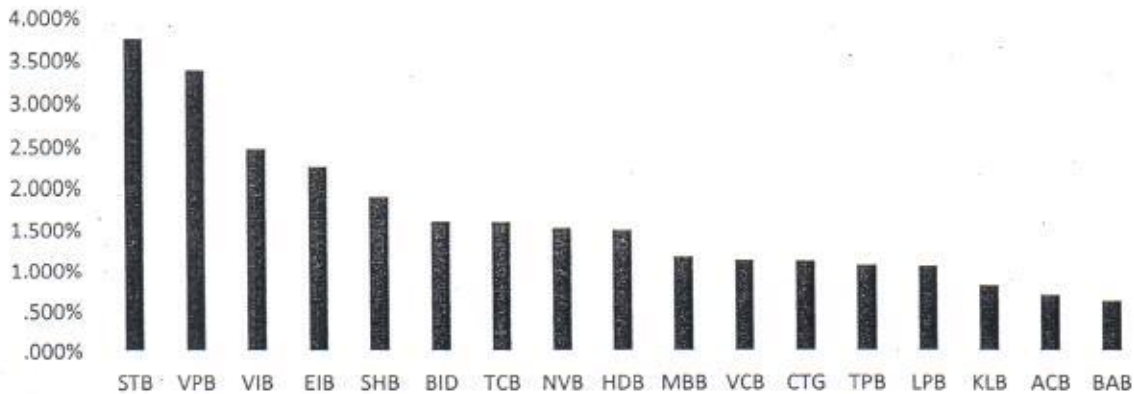
Chất lượng tài sản

⁵ Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2016 & 2017 của TPBank

⁶ Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Việc quản trị rủi ro chặt chẽ và kiểm soát chính sách thu hồi nợ tốt, chất lượng tài sản của TPBank thuộc loại tốt so với ngành, với chỉ số nợ xấu NPL ở mức 1/3 so với trung bình ngành, và có tỷ lệ nợ xấu trong nhóm thấp nhất so với các ngân hàng có quy mô tương đương.

Hình 3: Tỷ lệ nợ xấu năm 2017 của các ngân hàng TMCP

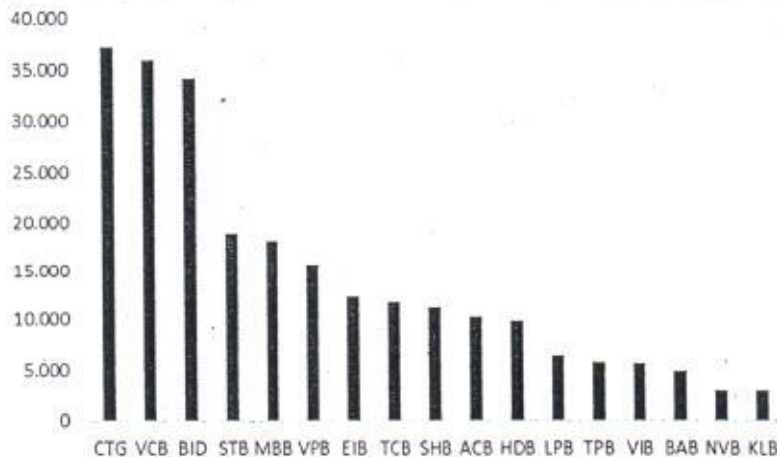


Nguồn: BCTC 2017 chưa kiểm toán của các ngân hàng TMCP

Quy mô vốn

Vốn điều lệ của TPBank thuộc dạng trung bình so với các ngân hàng thương mại cổ phần khác. Với tốc độ tăng trưởng hiện tại, Tỷ lệ CAR đã ở mức trên 9%, cao hơn mức tối thiểu được NHNN yêu cầu. Với quy mô vốn hiện tại TPBank có nhiều dư địa để tăng thêm vốn bằng việc thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước quan tâm.

Hình 4: So sánh quy mô vốn điều lệ của TPBank và các NHTMCP



Nguồn: BCTC của các ngân hàng

Vị thế của TPBank theo xếp hạng của các tổ chức xếp hạng tín dụng quốc tế

Theo công bố của tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's vào ngày 23/06/2017, TPBank được Moody's đánh giá là **B2-Stable**, đây là mức xếp hạng cao nhất của các NH TMCP tại Việt Nam. Đồng thời, theo danh sách xếp hạng 500 ngân hàng lớn nhất châu Á Thái Bình Dương của The

Asian Banker năm 2017⁷, Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong (TPBank) nằm trong nhóm 10 ngân hàng thương mại được xếp hạng mạnh nhất tại Việt Nam. Theo đó, bảng xếp hạng được thực hiện với hai tiêu chí: Danh sách 500 ngân hàng hàng đầu trong khu vực theo quy mô tài sản và xếp loại 500 ngân hàng dựa trên sức mạnh của từng ngân hàng thông qua khả năng sinh lời lâu dài từ các hoạt động kinh doanh cốt lõi của các ngân hàng (Strength Rank) hay các ngân hàng mạnh nhất khu vực.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Nền kinh tế vĩ mô của Việt Nam đang dần được cải thiện thông qua việc lạm phát thấp, đồng tiền ổn định. Chính điều này sẽ giúp cho chất lượng tài sản và thanh khoản của hệ thống ngân hàng sẽ vững vàng hơn.

Một trong những chính sách quan trọng là việc áp dụng Hiệp ước vốn Basel II. Hiệp ước này sử dụng khái niệm “Ba trụ cột” bao gồm (i) vốn tối thiểu, (ii) giám sát và (iii) kỷ luật thị trường và công bố thông tin.

- Trụ cột thứ I liên quan tới việc duy trì vốn bắt buộc. Theo đó, tỷ lệ vốn bắt buộc tối thiểu (CAR) vẫn là 8% của tổng tài sản có rủi ro như Basel I. Tuy nhiên, rủi ro được tính toán theo ba yếu tố chính mà ngân hàng phải đối mặt: rủi ro tín dụng, rủi ro vận hành (hay rủi ro hoạt động) và rủi ro thị trường.
- Trụ cột thứ II liên quan tới việc hoạch định chính sách ngân hàng, Basel II cung cấp cho các nhà hoạch định chính sách những “công cụ” tốt hơn so với Basel I. Trụ cột này cũng cung cấp một khung giải pháp cho các rủi ro mà ngân hàng đối mặt, như rủi ro hệ thống, rủi ro chiến lược, rủi ro danh tiếng, rủi ro thanh khoản và rủi ro pháp lý, mà hiệp ước tổng hợp lại dưới cái tên rủi ro còn lại (residual risk).
- Trụ cột thứ III: các ngân hàng cần phải công khai thông tin một cách thích đáng theo nguyên tắc thị trường.

Basel II đưa ra một danh sách các yêu cầu buộc các ngân hàng phải công khai thông tin, từ những thông tin về cơ cấu vốn, mức độ đầy đủ vốn đến những thông tin liên quan đến mức độ nhạy cảm của ngân hàng với rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro vận hành và quy trình đánh giá của ngân hàng đối với từng loại rủi ro này.

Việc áp dụng Basel II giúp các ngân hàng hoạt động an toàn hơn, lành mạnh hơn do trình độ quản trị rủi ro được tăng cường, các biện pháp quản trị rủi ro, đặc biệt là mô hình rủi ro và xếp hạng nội bộ được chủ động áp dụng, đồng thời, nguồn vốn được quản lý một cách hiệu quả hơn. Trong lĩnh vực tín dụng, các ngân hàng sẽ phải chuyển hướng tập trung vào đánh giá mức độ tín nhiệm của khách hàng, thay vì dựa chủ yếu vào tài sản bảo đảm. Hơn nữa, sau khi áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn vốn và thanh khoản, hệ thống ngân hàng Việt Nam sẽ thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài hơn do ngân hàng hoạt động kinh doanh trong môi trường đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Bên cạnh đó, nợ xấu cũng là một vấn đề cần chú ý, cụ thể theo hãng xếp hạng tín dụng Fitch thì khối lượng nợ xấu lớn sẽ cần thời gian dài để giải quyết do những cản trở về pháp lý. Hiện tại, việc xử lý nợ xấu vẫn là từ việc trích lập dự phòng. Việc giảm nợ xấu thông qua việc bán nợ xấu cho

⁷ The Asian Banker 500 (AB500) là một nghiên cứu hàng năm về hoạt động tài chính và kinh doanh của ngành ngân hàng ở khu vực châu Á Thái Bình Dương.

Công ty Quản lý tài sản (VAMC) không được kỳ vọng là một công cụ hiệu quả do (i) VAMC vẫn chưa có quyền định đoạt hoàn toàn đối với khoản nợ xấu và tài sản đảm bảo đi kèm, (ii) nguồn lực của VAMC quá nhỏ so với giá trị nợ xấu để mua nợ theo giá trị thị trường hoặc xử lý nợ xấu đã mua và (iii) các quy định liên ngành, đặc biệt liên quan đến vấn đề sở hữu tài sản đảm bảo là bất động sản.

Về lợi nhuận của các ngân hàng: Fitch dự báo lợi nhuận của các ngân hàng sẽ tiếp tục duy trì ở mức thấp do áp lực cạnh tranh huy động tiền gửi, định hướng giảm lãi suất cho vay và tăng tỷ trọng nguồn vốn trung dài hạn của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Chi phí trích lập dự phòng trái phiếu đặc biệt VAMC cao hơn cũng sẽ phần nào ảnh hưởng đến lợi nhuận. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng tín dụng đặc biệt tại các khoản cho vay bán lẻ với lãi suất cao có thể làm dịu đi áp lực từ những chi phí này.

8.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

So sánh về tình hình hoạt động kinh doanh

Bảng dưới đây so sánh một số chỉ tiêu tài chính của TPBank với một số Ngân hàng hiện đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam:

Bảng 16: So sánh kết quả kinh doanh của TPBank với các ngân hàng niêm yết

Đơn vị: ngàn tỷ đồng

	VPB	TPB*	BID	HDB	ACB	CTG	EIB	MBB	VCB
Cho vay khách hàng	133,55	70,30	859,79	120,54	241,39	752,37	117,54	220,18	708,51
Tiền gửi của khách hàng	179,52	62,75	854,95	103,34	196,62	782,39	100,27	182,06	535,32
Vốn chủ sở hữu	29,70	6,68	48,99	14,76	16,03	63,69	14,25	29,60	54,07
Lợi nhuận sau thuế	6,44	0,96	7,06	1,95	2,12	7,46	0,82	3,49	9,11
ROE %	27,48%	15,59%	14,82%	14,51%	14,08%	11,99%	5,94%	12,42%	17,79%
ROA %	2,54%	0,84%	0,63%	1,03%	0,82%	0,73%	0,59%	1,22%	1,00%

Nguồn: BCTC năm 2017 của các Ngân hàng năm 2017

Ghi chú:

- ACB: Ngân hàng TMCP Á Châu
- BID: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- CTG: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- EIB: Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam
- HDB: Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM
- MBB: Ngân hàng TMCP Quân đội
- VCB: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

- VPB: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Năm 2017 là năm TPBank tăng tốc phát triển sau khi đã thực hiện thành công đề án Tái cơ cấu Ngân hàng đã được Thủ tướng Chính Phủ, NHNN và HĐQT phê duyệt. Giai đoạn 2013-2017 là giai đoạn phát triển nhanh và mạnh mẽ của TPBank với việc tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn đã được xác định cũng như lĩnh vực TPBank có ưu thế cạnh tranh nổi trội so với các ngân hàng khác, với mục tiêu trở thành Ngân hàng Số (Digital Banking) hàng đầu Việt Nam.

Trước hết, việc xác định xu hướng kỳ vọng của thị trường rất quan trọng trong việc đề ra chiến lược kinh doanh, theo đó, TPBank xác định xu hướng thị trường trong thời gian tới sẽ có những điểm mới như sau:

- Xu hướng ít sử dụng tiền mặt: Việc thanh toán bằng chuyển khoản thay vì tiền mặt sẽ giảm được thời gian giao dịch và chi phí hậu cần.
- Xu hướng sử dụng quầy giao dịch tự động thay vì quầy giao dịch truyền thống: Tỷ lệ sử dụng internet và điện thoại thông minh của Việt Nam có xu hướng tăng, điều này giúp cho sử dụng ngân hàng điện tử trở nên tiện lợi hơn.
- Dữ liệu lớn: Trong khi xu hướng bắt đầu ở các nước công nghệ phát triển, Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn triển khai dữ liệu ban đầu. Đơn vị kinh doanh có kiến thức về phân tích dữ liệu sẽ có lợi thế cạnh tranh cao hơn khi nắm bắt được hành vi tiêu dùng của khách hàng, và phân tích được xu hướng tiêu dùng để cho ra sản phẩm phù hợp.
- Trí tuệ nhân tạo (AI) sẽ phát triển giúp thúc đẩy kết quả tốt hơn cho khách hàng, tăng hiệu quả cho các ngân hàng và giải quyết các thiếu sót về tài năng.

Trên cơ sở xác định xu hướng như vậy, chiến lược của TPBank bao gồm:

- Bán lẻ đa kênh (Omni-channel banking): phát triển từ đa kênh (multi-channel) nhưng lại tập trung hơn vào những trải nghiệm mang lại cho các khách hàng khi họ thực hiện hành động tiêu dùng. TPBank sẽ đặt trọng tâm vào việc dự đoán nhu cầu và mong muốn của khách hàng thay vì đơn thuần đáp ứng nhu cầu hiện có.
- Ngân hàng kỹ thuật số và dữ liệu lớn: Sử dụng các kỹ thuật phân tích kênh thông tin khác nhau để nắm bắt được mục đích đằng sau các tương tác giữa các kênh. Từ đó sử dụng những ý định của người tiêu dùng để nghiên cứu ra những sản phẩm mới có doanh thu tốt hơn, hoặc có chi phí hiệu quả hơn, quản lý rủi ro tốt hơn.
- Cạnh tranh không phải về giá mà về chất lượng: Với quy định hiện tại về tăng trưởng tín dụng, tăng trưởng doanh thu trong tương lai sẽ đến từ chất lượng của khách hàng chứ không phải số lượng.
- Tập dụng cả tăng trưởng hữu cơ và chiến lược thu tóm M&A

Bên cạnh việc thực hiện các mục tiêu trên, TPBank tiếp tục củng cố các yếu tố nền tảng như hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống thông tin quản trị, hạ tầng công nghệ, kiện toàn bộ máy tổ chức và tăng cường nguồn nhân lực nhằm nâng cao chất lượng hoạt động toàn ngân hàng hướng tới nâng cao hiệu quả, chất lượng dịch vụ và gia tăng nhận diện thương hiệu.

9. Nguồn nhân lực & Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng lao động và cơ cấu lao động

Tính tới ngày 31/12/2017, tổng số lao động tại TPBank hiện có là 4.848 người lao động (năm 2016: 3.937 người, tăng 23,1%). Thu nhập bình quân đầu người của mỗi nhân viên TPBank năm 2017 là 178,32 triệu đồng/nhân viên (năm 2016: 129,66 triệu đồng/nhân viên, tăng 37,5%).

Số lao động của TPBank tính tới ngày 31/12/2017 được phân loại như sau:

Bảng 17: Cơ cấu lao động của TPBank

Tiêu chí phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng
Theo độ tuổi	4.848	100%
Dưới 30 tuổi	2.934	61%
30 – 40 tuổi	1.781	37%
Trên 40 tuổi	133	3%
Theo trình độ học vấn	4.848	100%
Sau đại học	214	4%
Đại học	4.384	90%
Khác	250	5%
Theo tính chất công việc	4.848	100%
Dịch vụ khách hàng cao cấp tại HO	92	2%
Dịch vụ khách hàng doanh nghiệp lớn tại HO	74	2%
Các khối kinh doanh KHCN, KH SME	2.967	61%
Nguồn vốn	50	1%
Hỗ trợ	1.665	34%

Nguồn: TPBank

9.2. Các chính sách đối với lao động

9.2.1. Chính sách đào tạo

Trong năm 2016, TPBank đã thực hiện tái cấu trúc tổ chức và hoạt động của Khối QTNNL (thành lập các Phòng Đối tác Nhân sự và tăng cường nhân sự cho các đơn vị); Xây dựng và hoàn thiện Hệ thống quản lý hiệu quả làm việc (Quy định/Quy trình), Hoàn thiện Quy định/ Quy trình Tuyển dụng; Thực hiện rà soát và hoàn thiện bộ KPIs cho các chức danh công việc của Ngân hàng để đảm bảo việc đánh giá hiệu quả làm việc được áp dụng hiệu quả trong toàn hệ thống. Tính đến hết năm 2016, khối QTNNL đã thực hiện 479 khóa đào tạo với 15.500 lượt cán bộ nhân viên được đào tạo.

Con số này gấp gần 2 lần con số năm 2015 (năm 2015 tổ chức 260 khóa học với 10.138 lượt học viên). Các chương trình đào tạo được triển khai toàn diện, từ chương trình hội nhập dành cho nhân viên mới, các chương trình nghiệp vụ, kỹ năng theo lộ trình phát triển - lộ trình đào tạo đã được ban hành, đến các chương trình được đầu tư dành cho quản lý cấp trung.

Năm 2016, cũng là năm đầu tiên, Phòng Đào tạo – Khối QTNNL triển khai các hoạt động tự đào tạo tại chi nhánh. Theo đó, Phòng Đào tạo hỗ trợ xây dựng các ngân hàng tài liệu, các Giám đốc mảng/Trưởng nhóm tại ĐVKD sau khi được huấn luyện kỹ năng huấn luyện, định kỳ hàng tháng lựa chọn chủ đề và thực hiện đào tạo tại Đơn vị; đây là hoạt động nhằm thúc đẩy văn hóa học tập tại TPBank. Song song với việc triển khai các khóa học, Phòng Đào tạo phối hợp với các ngành dọc tổ chức các kỳ thi tập trung nghiêm túc, nhằm đánh giá năng lực hiện có của cán bộ nhân viên để đưa ra định hướng đào tạo. Năm 2016, các hoạt động đào tạo nội bộ được chú trọng triển khai, số lượng giảng viên nội bộ lên tới 117 giảng viên, hầu hết đều có chứng nhận hoàn thành khóa Kỹ năng đứng lớp – Train the trainer.

9.2.2. Chính sách thu nhập, tiền lương

Quy lương của TPBank được phân bổ dựa trên nguyên tắc:

- Đảm bảo mức lương tối thiểu chi trả cho người lao động theo quy định của Nhà nước và TPBank
- Đảm bảo tính hệ thống trong việc phân bổ tiền lương, thu nhập giữa các đơn vị
- Gắn phân phối tiền lương/chi trả tiền lương với hiệu quả kinh doanh và các chỉ tiêu kế hoạch
- Đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường nhằm thu hút và gìn giữ nhân tài
- Thu nhập cố định của nhân viên TPBank được xác định bao gồm Lương cơ bản, phụ cấp thâm niên và các khoản bổ sung khác – là các kho ản tiền ngoài mức lương, phụ cấp lương.

Bên cạnh đó, TPBank còn có Quỹ Lương thành tích – dựa trên hiệu quả kinh doanh tổng thể của TPBank – sẽ được trích và phân phối phù hợp nhằm đảm bảo kích thích hiệu quả làm việc của người lao động.

9.2.3. Chính sách trợ cấp/ phúc lợi:

Thực hiện theo Quy định pháp luật hiện hành và Quy định của TPBank từng thời kỳ.

10. Chính sách cổ tức


Trong giai đoạn 2015 – 2016, TPBank không thực hiện chi trả cổ tức. Trong năm 2018, TPBank dự kiến sẽ thực hiện chốt danh sách cổ đông để thực hiện chi trả cổ tức trên cơ sở lợi nhuận để lại năm 2017 căn cứ vào phê duyệt của NHNN và UBCKNN.

11. Tình hình hoạt động tài chính

Bảng 18: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của TPBank, 2015 – 2017

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1. Quy mô vốn				
- Vốn điều lệ	Triệu đồng	5.500.000	5.842.105	5.842.105



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
- Tổng tài sản có rủi ro	Triệu đồng	39.267.330	58.535.840	74.087.654
- Tỷ lệ an toàn vốn	%	12,13%	9,3%	9,02%
2. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Số dư huy động tiền gửi	Triệu đồng	39.505.447	55.082.028	70.298.586
- Số dư cho vay	Triệu đồng	28.240.322	47.325.782	64.007.248
- Thu nhập lãi tiền gửi	Triệu đồng	203.964	282.123	555.120
- Thu nhập lãi cho vay khách hàng	Triệu đồng	1.762.662	2.872.328	4.232.256
- Thu lãi từ chứng khoán đầu tư	Triệu đồng	1.289.640	1.775.371	2.253.126
- Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	Triệu đồng	35.755	65.929	98.082
- Thu lãi từ nghiệp vụ mua bán nợ	Triệu đồng		13.030	51.176
- Thu khách từ hoạt động tín dụng	Triệu đồng	29.352	164.906	134.845
- Nợ quá hạn (*)	Triệu đồng	773.761	1.517.564	1.790.507
- Nợ xấu (*)	Triệu đồng	227.780	349.873	688.981
- Hệ số sử dụng vốn				
Tỷ suất lợi nhuận/Vốn CSH bình quân (ROAE)	%	12,44%	10,79%	15,59%
Tỷ suất lợi nhuận/ Tổng tài sản bình quân (ROAA)	%	0,88%	0,62%	0,84%
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	%	0%	0%	0%
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	%	2,59%	3,17%	2,80%
- Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ	%	0,66%	0,70%	1,08%
3. Khả năng thanh khoản				
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (Tài sản có tính thanh khoản cao/Tổng nợ*100) (**)	%	11,84%	15,57%	16,79%
Khả năng chi trả trong vòng 30 ngày	%			
Bằng VND		54,67%	71,91%	120,02%
Bằng ngoại tệ		282,13%	-46,23%	46,22%

Nguồn: TPbank

(*): xác định theo quy định của Thông tư 02/2013/TT-NHNN về phân loại nợ và trích lập dự phòng và quy định của Thông tư 10/2014/TT-NHNN về hệ thống tài khoản kế toán của tổ chức tín dụng

(**): tính theo quy định trong Thông tư 36/2014/TT-NHNN và Thông tư 06/2016/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 36 về tỷ lệ an toàn tài chính của tổ chức tín dụng.

Theo đó:

- Chỉ số về quy mô vốn (Tổng tài sản có rủi ro) của TPBank có sự tăng trưởng mạnh, với tốc độ tăng trưởng lũy kế đạt 37,36% trong giai đoạn 2015 – 2017. Tương ứng, số dư huy động tiền gửi và số dư cho vay cũng tăng lần lượt 33,40% và 50,55% cùng kỳ.
- Chỉ số đo lường hiệu quả sử dụng vốn có sự tăng trưởng mạnh: ROE năm 2015 đạt 13,85%, tăng 5,66% lên 19,51% vào năm 2017, do ngân hàng trong giai đoạn 2015 – 2017 đã có sự gia tăng đáng kể về danh mục cho vay và biên lãi thuần.
- Thanh khoản ngày càng được gia tăng. Khả năng chi trả bằng tiền đồng trong vòng 30 ngày của TPBank tăng từ 54,67% lên xấp xỉ 120%.

- Tỷ lệ an toàn vốn thường xuyên được giữ ở mức trên 9%, đảm bảo tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước tại Thông tư số 13/2010/TT-NHNN.

12. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

Bảng 19: Danh sách hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CMND
Hội đồng quản trị			
1	Ông Đỗ Minh Phú	Chủ tịch HĐQT	001053002939
2	Ông Lê Quang Tiến	Phó Chủ tịch HĐQT	011848049
3	Ông Đỗ Anh Tú	Phó Chủ tịch HĐQT	001062012707
4	Ông Shuzo Shikata	Phó Chủ tịch HĐQT	TK4647078
5	Bà Nguyễn Thu Hà	Thành viên độc lập	010271303
6	Ông Phạm Công Tứ	Thành viên HĐQT	012718590
7	Ông Phan Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	011840017
8	Ông Kento Tokimori	Thành viên HĐQT	TR2062179
Ban Kiểm soát			
1	Bà Nguyễn Thị Bảo	Trưởng ban kiểm soát	011347022
2	Ông Thái Duy Nghĩa	Thành viên chuyên trách	011553866
3	Ông Tomohiro Yamaguchi	Thành viên	TZ1043357
Ban Tổng Giám đốc			
1	Ông Nguyễn Hưng	Tổng Giám đốc	011788626
2	Ông Phạm Đông Anh	Phó Tổng Giám đốc	001071005593
3	Ông Nguyễn Hồng Quân	Phó Tổng Giám đốc	Passport: B199417
4	Ông Nguyễn Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc	012099819
5	Ông Lê Hồng Nam	Phó Tổng Giám đốc	030066000632
6	Ông Khúc Văn Họa	Phó Tổng Giám đốc	024862212
7	Bà Bùi Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc	012987498
8	Ông Đinh Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc	013423567
Khối Tài chính			
1	Bà Lê Cẩm Tú	Kế toán trưởng	011807450

12.2. Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị

Họ và tên:	ĐỖ MINH PHÚ
Số CMND:	001053002939
Ngày cấp	21/04/2016
Nơi cấp:	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về DC
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Đại học Bách Khoa
Chức vụ đang nắm giữ:	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Chức vụ tại các tổ chức khác:	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Tập đoàn Vàng bạc Đá quý DOJI - Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý SJC Hà Nội - Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý SJC Đà Nẵng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Đá quý & Vàng Yên Bái - Phó Chủ tịch - Hiệp hội Kinh doanh Vàng Việt Nam. - Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Bông Sen Đỏ. - Chủ tịch - Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản DOJILAND - Ủy viên Ban chấp hành – Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI. - Đại sứ Hiệp hội Đá quý Quốc tế tại Việt Nam

Quá trình công tác

Từ 1970 đến 1972

Sinh viên Đại học Bách Khoa Hà Nội

Từ 1972 đến 1976

Đi bộ đội, tham gia Binh chủng Tên lửa, Quân chủng Phòng không – Không quân

Từ 1976 đến 1979

Giải ngũ, tiếp tục về học tại Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

Từ 1979 đến 1988

Nghiên cứu viên - Trung tâm Viễn thám – Viện Khoa học Việt Nam

Từ 1988 đến 1990

Phó Giám đốc Công ty Điện tử và Quang học ELOPI – Viện Khoa học Việt Nam

Từ 1990 đến 1992	Được biệt phái làm việc cho Công ty Export Development & Trading Corporation (Úc – Thái lan) với cương vị Tổng Giám đốc
Từ 1992 đến 1994	Tổng Giám đốc Công ty liên doanh Đá quý VIGEMTEC
Từ 1994 đến 2007	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Công nghệ và Thương mại TTD
Từ 2007 đến tháng 1/2018	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Vàng bạc Đá quý DOJI (chuyển đổi từ Công ty TNHH Phát triển Công nghệ và Thương mại TTD)
Từ 04/2012 đến nay	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Tiên Phong

Số lượng cổ phần đang nắm giữ 44.400.000

Cá nhân sở hữu 0

Đại diện sở hữu 44.400.000

Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:

Tên cá nhân/ tổ chức	Quan hệ	SL CP sở hữu	Ti lệ CP sở hữu/VDL
Đỗ Minh Đức	Con trai	8.325.000	1,43%
Đỗ Vũ Phương Anh	Con gái	8.325.000	1,43%
CTCP Vàng bạc đá quý Doji	Chủ tịch HDQT kiêm Tổng giám đốc	44.400.000	7,60%

Các khoản nợ với công ty

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành

Họ và tên:	LÊ QUANG TIÊN
Số CMND:	011848049
Ngày cấp:	4/03/2008
Nơi cấp:	Công an TP. Hà Nội

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân đại học Quốc gia Kishinev V.I.Lenin
Chức vụ đang nắm giữ:	Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Thành viên HĐQT Công ty CP Viễn thông FPT
Quá trình công tác	
Từ 1972 đến 1981	Đi học
Từ 1981 đến 1988	Cán bộ giảng dạy, Học viện Kỹ thuật quân sự
Từ 1988 đến 04/2012	Lãnh đạo cao cấp Công ty Cổ phần FPT
Từ 06/2008 đến 04/2012	Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Từ 04/2012 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT – Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	27.000.000
Cá nhân sở hữu	27.000.000
Đại diện sở hữu	0

Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:

Tên cá nhân/ tổ chức	Quan hệ	SL CP sở hữu	Tỉ lệ CP sở hữu/VĐL
CÔNG TY CỔ PHẦN FPT		50.691.427	8,677%

Các khoản nợ với công ty

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành

Họ và tên:	ĐỖ ANH TÚ
Số CMND:	001062012707
Ngày cấp:	10/08/2017
Nơi cấp:	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về DC
Trình độ chuyên môn:	Phó Tiến sỹ ngành Máy năng lượng, Khoa Máy Đại học Kỹ thuật Praha
Chức vụ đang nắm giữ:	Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DIANA

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thủy

Quá trình công tác

Từ 1978 đến 1979

Dự bị Đại học tiếng Tiệp 01 năm tại Trường ĐH Ngoại Ngữ, Thanh Xuân, Hà Nội

Từ 1979 đến 1985

Học dự bị tiếng Tiệp một năm tại thành phố Ceske Budejovice và sau đó học Ngành Máy năng lượng, Khoa Máy, Trường Đại học kỹ thuật Praha, Cộng hòa Tiệp khác

Từ 1986 đến 1989

Bảo vệ thành công luận án phó tiến sỹ tại Trường Đại học kỹ thuật Praha, Cộng hòa Tiệp khác năm 1989

Từ 1989 đến 1990

Cán bộ nghiên cứu tại Viện nghiên cứu Máy Lạnh, Praha 5, Cộng hòa Tiệp khác như

Từ 1990 đến 1991

Kỹ sư lập trình hệ thống tại Hãng hàng không Tiệp khác CSA

Từ 1992 đến 1997

Giám đốc Công ty TNHH DATS, Cộng hòa Tiệp Khác

Từ 1997 đến nay

Tổng giám đốc Công ty TNHH Việt ý, Nay là Công ty Cổ phần Diana, KCN Vĩnh Tuy, Hà Nội.

Từ 04/2012 đến nay

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Tiên Phong

Số lượng cổ phần đang nắm giữ

27.750.000

Cá nhân sở hữu

27.750.000

Đại diện sở hữu

0

Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:

Tên cá nhân/ tổ chức	Quan hệ	SL CP sở hữu	Tỉ lệ CP sở hữu/VĐL
Đỗ Quỳnh Anh	Con gái	21.697.328	3,71%

Các khoản nợ với công ty

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành

Họ và tên:	SHUZO SHIKATA
Số HC:	TK4647078
Ngày cấp	02/06/2011

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Nhật Bản

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Trường Đại học Ritsumeikan Nhật bản

Chức vụ đang nắm giữ: Phó CT HĐQT Ngân hàng TMCP Tiên Phong

Chức vụ tại các tổ chức khác: SBI Holdings, Inc, Nhật Bản, chức danh Trưởng phòng Phát triển Kinh doanh dịch vụ tài chính nước ngoài

Công ty Chứng khoán SBI, Nhật Bản, chức danh Trưởng phòng Kế hoạch doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT, Việt Nam, chức danh Thành viên Hội đồng Quản trị

Quá trình công tác

Từ 04/1996 đến 03/1999 Học Trường Cấp 3 Waseda Setsuryo tại Nhật Bản

Từ 03/1999 đến 03/2003 Học Trường Đại học Ritsumeikan, khoa Kinh tế tại Nhật Bản

Từ 3/2003 đến 06/2011 Ngân hàng Tokyo Mitsubishi UFJ Osaka & Tokyo, Nhật Bản, Ban Ngân hàng Thương mại

Từ 06/2011 đến 5/2014 Ngân hàng Tokyo Misubishi UFJ, chi nhánh Manila, Manila, Philippines, chức danh Trưởng phòng Nhật Bản

Từ 5/2014 đến 3/2015 Ngân hàng Tokyo Mitsubishi UFJ, Tokyo, Nhật Bản, chức danh Trưởng phòng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Từ 04/2015 đến nay SBI Holdings, Inc. Tokyo, Nhật Bản, chức danh Trưởng phòng Phát triển Kinh doanh dịch vụ tài chính nước ngoài

Từ 07/2015 đến nay Công ty Chứng khoán SBI, Tokyo, Nhật Bản, chức danh Trưởng phòng Kế hoạch doanh nghiệp

Từ 10/2015 đến nay Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT, Việt Nam, chức danh Thành viên Hội đồng Quản trị

Số lượng cổ phần đang nắm giữ 0

Cá nhân sở hữu 0

Đại diện sở hữu 0

Số cổ phần những người có liên quan sở hữu: Không

Các khoản nợ với công ty 0

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành 0

Họ và tên:	NGUYỄN THU HÀ
Số CMND:	010271303
Ngày cấp:	23/12/2009
Nơi cấp:	CA Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ:	Thành viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Thành viên độc lập – HĐQT Công ty Dịch vụ Thẻ – SmartLink
Quá trình công tác	
Từ 1980 đến 1993	Cán bộ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam;
Từ 1993 đến 2000	Phó Giám đốc Sở Giao dịch - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam;
Từ 2000 đến 2012	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam);
Từ 2002 đến 2008	Chủ tịch Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương (VCBS);
Từ 2003 đến 2008	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Bảo hiểm xăng dầu (PJICO);
Từ 2007 đến 2012	Chủ tịch Công ty CP dịch vụ Thẻ SmartLink;
Từ 2004 đến 2012	Chủ tịch Hội Thẻ Ngân hàng, Hiệp Hội Ngân hàng Việt Nam;
Từ 2005 đến 2012	Phó chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Mỹ
Từ 11/2012 – 04/2013	Nghỉ hưu theo chế độ;
Từ 04/2013 - Nay	Thành viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	0
Cá nhân sở hữu	0
Đại diện sở hữu	0
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:	

Tên cá nhân/ tổ chức	Quan hệ	SL CP sở hữu	Ti lệ CP sở hữu/VĐL
----------------------	---------	--------------	---------------------

Các khoản nợ với công ty 0

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành 0

Họ và tên:	PHẠM CÔNG TỬ
Số CMND:	012718590
Ngày cấp:	01/10/2004
Nơi cấp:	CA Tp. Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ:	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Ủy viên HĐQT & Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam Ủy viên HĐQT Công ty LD TNHH Bảo hiểm Samsung-Vina Ủy viên HĐQT Công ty CP Du lịch Khách sạn Sài Gòn-Hạ Long Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư VinareInvest
Quá trình công tác	
Từ 1981 đến 1985	Sinh viên Đại học Tài chính-Kế toán Hà Nội
Từ 1986 đến 1994	Chuyên viên KT- TV Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam
Từ 1994 đến 1997	Trưởng phòng KT- TV Công ty Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
Từ 1997 đến 2000	Kế toán trưởng Công ty Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
Từ 2000 đến 2004	Phó Giám đốc Công ty Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
Từ 2005 đến 2009	Thành viên HĐQT Phó TGD thứ nhất Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
Từ 2009 đến nay	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
Từ 2008 đến nay	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	30.000.000

Cá nhân sở hữu 0
Đại diện sở hữu 30.000.000

Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:

Tên cá nhân/ tổ chức	Quan hệ	SL CP sở hữu	Ti lệ CP sở hữu/VĐL
Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	30.000.000	5,14%

Các khoản nợ với công ty 0
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành 0

Họ và tên:	PHAN TUẤN ANH
Số CMND:	011840017
Ngày cấp:	14/03/2009
Nơi cấp:	CA HN
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ, chuyên ngành Kế toán
Chức vụ đang nắm giữ:	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần đầu tư quốc tế VNPT
Quá trình công tác	
Từ 1995 đến 1998	Kiểm toán viên Công ty Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán
Từ 1998 đến 2003	Chuyên viên Phòng Tài chính kế toán Công ty Thông tin di động
Từ 2003 đến 2012	Phó Phòng Tài chính kế toán Công ty Thông tin di động
Từ 2012 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ Công ty Thông tin di động
Từ 2012 đến nay	Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần đầu tư quốc tế VNPT
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	5.549.914
Cá nhân sở hữu	0

Đại diện sở hữu 5.549.914

Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:

Tên cá nhân/ tổ chức	Quan hệ	SL CP sở hữu	Tỉ lệ CP sở hữu/VĐL
Tổng công ty Viễn thông Mobiphone	Trưởng Ban Kiểm soát	5.549.914	0,94999%
Các khoản nợ với công ty	0		
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	0		

Họ và tên:	KENTO TOKIMORI
Số HC:	TR2062179
Ngày cấp:	06/06/2014
Nơi cấp:	Bộ Ngoại giao Nhật Bản
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân luật Trường Đại học Sophia Nhật Bản
Chức vụ đang nắm giữ:	Thành viên HĐQT
Chức vụ tại các tổ chức khác:	SBI Holdings, Inc, Nhật Bản, chức danh Trưởng phòng Quản lý hoạt động kinh doanh ở nước ngoài
Quá trình công tác	
Từ 04/2000 đến 3/2003	Học Trường Cấp 3 Gakushuin Boys' senior tại Nhật Bản
Từ 04/2004 đến 03/2008	Học Trường Đại học Sophia, khoa Luật tại Nhật Bản
Từ 04/2008 đến 06/2010	SBI Holdings, Inc, Nhật Bản, nhân viên phòng Luật
Từ 07/2010 đến 04/2013	SBI Remit Co., Ltd., chức danh Trưởng phòng Quản lý Kinh doanh
Từ 5/2013 đến nay	SBI Holdings, Inc. Tokyo, Nhật Bản, chức danh Trưởng phòng quản lý hoạt động kinh doanh ở nước ngoài
Từ 4/2016 đến nay	Ngân hàng TMCP Tiên Phong, chức danh Thành viên không chuyên trách

Số lượng cổ phần đang nắm giữ 0

Cá nhân sở hữu 0

Đại diện sở hữu 0

Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:

Các khoản nợ với công ty 0

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành 0

12.3. Sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên:	NGUYỄN HƯNG
Số CMND:	011788626
Ngày cấp:	12/04/2008
Nơi cấp:	CA Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ MBA - Trường NorthCentral University, thành phố Prescott, bang Arizona, Hoa Kỳ, khóa học Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Thương mại điện tử
Chức vụ đang nắm giữ:	Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không
Quá trình công tác	
Từ 1983 đến 1987	Học tại Trường Cao cấp nghiệp vụ Ngân hàng Hà Nội
Từ 1988 đến 1990	Bộ đội, tại phòng Tài chính – Bộ Tư lệnh Đặc công, nhân viên kế toán
Từ 1990 đến 1993	Nhân viên Phòng Kế toán, Ngân hàng Công thương Việt Nam Trung ương
Từ 1993 đến 1994	Trưởng phòng Kế toán giao dịch và Ngân quỹ - VPBank
Từ 1994 đến 1996	Trưởng phòng Kế toán tài chính VPBank
Từ 1996 đến 1999	Phó Tổng Giám đốc VPBank. Trong đó từ tháng 4-6/1997 là Quyền Tổng Giám đốc.

Từ 2000 đến 2001	Chánh Văn phòng Hội sở Techcombank
Từ 2001 đến 2003	Phó Giám đốc Chi nhánh Techcombank Thăng Long
Từ 2003 đến 2009	Giám đốc Chi nhánh Techcombank Đông Đa (nay đổi tên là Đông Đô)
Từ 2009 đến 2012	Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)
Từ 2012 đến nay	Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	0
Cá nhân sở hữu	0
Đại diện sở hữu	0
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:	Không
Các khoản nợ với công ty	0
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	0

Họ và tên:	LÊ HỒNG NAM
Số CMND:	030066000632
Ngày cấp:	04/02/2016
Nơi cấp:	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về DC
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Tài chính Kinh tế, Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
Chức vụ đang nắm giữ:	Phó Tổng Giám đốc kiêm nhiệm Giám đốc Khối Tín dụng - Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không
Quá trình công tác	
Từ 02/2002 đến 02/2007	Giám đốc Tín dụng và đầu tư-Shinhavina Hội sở
Từ 10/2007 đến 02/2008	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Mỹ Xuyên

Từ 02/2008 đến 01/2009	Giám đốc CN TP HCM-Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu
Từ 01/01/2009 đến 3/2012	Giám đốc, Chi nhánh TP Hồ Chí Minh - Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Từ 02/03/2012 đến 15/04/2013	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh TP Hồ Chí Minh - Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Từ 15/4/2013 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm nhiệm Giám đốc Khối Tín dụng - Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	0
Cá nhân sở hữu	0
Đại diện sở hữu	0
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:	Không
Các khoản nợ với công ty	0
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	0

Họ và tên:	NGUYỄN VIỆT ANH
Số CMND:	012099819
Ngày cấp:	12/12/2013
Nơi cấp:	CA Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Đại học Tổng hợp Washington.
Chức vụ đang nắm giữ:	Phó Tổng Giám đốc kiêm nhiệm Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính – Ngân hàng TMCP Tiên phong
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không
Quá trình công tác	
Từ 07/1999 đến 08/2000	Cán bộ Kinh doanh - Công ty TNHH Ánh Quang
Từ 08/2000 đến 07/2003	Chuyên viên kinh doanh tiền tệ - ngoại hối, Techcombank
Từ 07/2003 đến 09/2007	Trưởng phòng quản lý và kinh doanh tiền tệ ngoại hối, Techcombank
Từ 09/2007 đến 04/2008	Phó giám đốc Trung tâm, quản lý nguồn vốn và giao dịch trên thị

	trường tài chính, Techcombank
Từ 04/2008 đến 06/2009	Quyền giám đốc, Khối Nguồn vốn và giao dịch trên thị trường tài chính, Techcombank
Từ 06/2009 đến 02/2011	Giám đốc Trung tâm ngoại hối và Sản phẩm phái sinh kiêm Giám đốc Trung tâm giao dịch hàng hóa và sản hàng hóa, Khối Nguồn vốn, Techcombank kiêm Tổng giám đốc-Công ty Quản lý quỹ kỹ thương
Từ 03/2011 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm nhiệm Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính – Ngân hàng TMCP Tiên phong
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	0
Cá nhân sở hữu	0
Đại diện sở hữu	0
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:	Không
Các khoản nợ với công ty	0
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	0

Họ và tên:	NGUYỄN HỒNG QUÂN
Số CMND:	B1994170
Ngày cấp:	26/3/2008
Nơi cấp:	CA Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh cao cấp - EMBA, Học viện Công nghệ Châu Á – AIT
Chức vụ đang nắm giữ:	Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối quản trị rủi ro – Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không
Quá trình công tác	
Từ 1989 đến 1994	Trưởng phòng xuất nhập khẩu - Công ty Giấy Thăng Long, Bộ CN Nhẹ.
Từ 1994 đến 05/1996	Phó phòng xuất nhập khẩu - Công ty Liên doanh Ô tô Mitsubishi – Vinastar

Từ 06/1996 đến 03/2002	Giám đốc Quản trị rủi ro thị trường, Phó Giám đốc về tuân thủ và kiểm soát nội bộ, Phụ trách Dự án cơ sở dữ liệu quản trị chi phí-Ngân hàng Citibank, CN Hà Nội
Từ 03/2002 đến 07/2005	Giám đốc Công ty Âu Lạc Capital (Risk Managagment O&T)
Từ 07/2005 đến 03/2007	Chuyên viên Hợp tác Quốc tế, Chuyên gia Trưởng dự án Đánh giá hiệu quả đầu tư quốc gia trong khoa học và công nghệ-Bộ Khoa học & Công nghệ
Từ 03/2007 đến 06/2008	Phó tổng giám đốc - Phụ trách Nguồn vốn, Đầu tư, Phân tích-Cty CP Chứng khoán An Bình
Từ 06/2008 đến 03/2010	Quyền tổng giám đốc-Cty CP Chứng khoán An Bình
Từ 03/2010 đến 02/2012	Cố vấn tài chính, Giám đốc dự án-Cty CP Đầu tư Cộng sự Định hướng
Từ 01/02/2012 đến nay	Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối quản trị rủi ro – Ngân hàng TMCP Tiên Phong

Số lượng cổ phần đang nắm giữ 0

Cá nhân sở hữu 0

Đại diện sở hữu 0

Số cổ phần những người có liên quan sở hữu: Không

Các khoản nợ với công ty 0

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành 0

Họ và tên:	BÙI THỊ THANH HƯƠNG
Số CMND:	012987498
Ngày cấp:	20/07/2007
Nơi cấp:	CA Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, Trung tâm Pháp Việt đào tạo về quản lý (CFVG)
Chức vụ đang nắm giữ:	Phó tổng Giám đốc kiêm nhiệm Giám đốc Chiến lược - Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không



Quá trình công tác	
Từ 01/08/2001 đến 31/08/2005	Kiểm toán viên Công ty dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán AASC, Bộ Tài chính
Từ 05/09/2005 đến 14/10/2006	Phó phòng Kế toán tài chính, Hội sở SeaBank
Từ 15/10/2006 đến 02/08/2012	Kế toán trưởng, Hội sở SeaBank
Từ 03/08/2012 đến 15/09/2012	Phó Giám đốc phụ trách Khối Tài chính kiêm nhiệm Kế toán trưởng SeaBank
Từ 09/2012 đến 09/2014	Giám đốc Khối Tài chính - Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Từ 09/09/1994 đến 06/2017	Phó Tổng Giám đốc kiêm nhiệm Giám đốc Khối Tài chính - Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Từ 01/7/2017 đến nay	Phó tổng Giám đốc kiêm nhiệm Giám đốc Chiến lược - Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	0
Cá nhân sở hữu	0
Đại diện sở hữu	0
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:	0
Các khoản nợ với công ty	0
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	0

Họ và tên:	KHÚC VĂN HỌA
Số CMND:	024862212
Ngày cấp:	15/11/2007
Nơi cấp:	CA Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Trung tâm Pháp Việt đào tạo về quản lý (CFVG)
Chức vụ đang nắm giữ:	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Doanh nghiệp – Ngân hàng TMCP Tiên Phong

Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không
Quá trình công tác	
Từ 10/1996 đến 01/2003	Cán bộ tại Hội sở, Techcombank
Từ 01/2003 đến 07/2009	Giám đốc CN Tân Bình, Techcombank
Từ 07/2009 đến 01/2010	Phó Giám đốc Khối QTRR, Techcombank
Từ 01/2010 đến 05/2010	Giám đốc Trung tâm tín dụng SME, Techcombank
Từ 05/2010 đến 03/2012	Giám đốc Vùng, Techcombank
Từ 04/2012 đến 09/2012	Phó Giám đốc Khối KHDN lớn, MB
Từ 09/2012 đến 15/04/2013	Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám đốc Khối Tín dụng – Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Từ 15/04/2013 đến 2015	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối bán hàng và Kênh phân phối – Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Từ 2015 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Doanh nghiệp – Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	5.427
Cá nhân sở hữu	5.427
Đại diện sở hữu	0
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:	0
Các khoản nợ với công ty	0
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	0

Họ và tên:	ĐINH VĂN CHIẾN
Số CMND:	013423567
Ngày cấp:	28/06/2011
Nơi cấp:	CA Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh, chuyên ngành Tài chính Ngân hàng, Đại học Notre Dame, Notre Dame, Bang Indiana, Mỹ



	Nhận học bổng Fulbright được cấp bởi bộ Ngoại giao Hoa Kỳ
Chức vụ đang nắm giữ:	Phó Tổng Giám Đốc kiêm nhiệm Giám đốc Khối Ngân hàng Cá nhân – Ngân hàng TMCP Tiên Phong.
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không
Quá trình công tác	
Từ 1995 đến 2002	Phó Giám đốc Trung tâm thẻ, Giám đốc dự án Thẻ-Vietcombank
Từ 06/2004 đến 09/2007	Franchise manager, Marketing Manager- Công ty Johnson & Johnson Việt Nam
Từ 09/2007 đến 10/2010	Assistand Vice President (Head)- Dịch vụ tư vấn tài chính cá nhân toàn cầu- Ngân hàng OCBC Singapore
Từ 10/2010 đến 08/2011	Giám đốc khối Ngân hàng bán lẻ – Ngân hàng TMCP Tiên Phong.
Từ 09/2011 đến 07/2012	Giám đốc Trung tâm phát triển sản phẩm, Khối Ngân hàng bán lẻ, VPBank
Từ 08/2012 đến 12/2013	Giám đốc bán lẻ, Khối bán lẻ và SME, VPBank
Từ 04/12/2013 đến 14/04/2016	Giám đốc Khối Ngân hàng Cá nhân – Ngân hàng TMCP Tiên Phong.
Từ 15/04/2016 đến nay	Phó Tổng Giám Đốc kiêm nhiệm Giám đốc Khối Ngân hàng Cá nhân – Ngân hàng TMCP Tiên Phong.
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	0
Cá nhân sở hữu	0
Đại diện sở hữu	0
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:	0
Các khoản nợ với công ty	0
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	0

Họ và tên: **PHẠM ĐÔNG ANH**

Số CMND: 001071005593

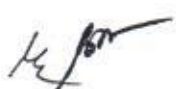
Ngày cấp:	31/08/2015
Nơi cấp:	Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Đại học Kinh tế Quốc dân, Khoa Tài chính Ngân hàng Cử nhân Ngoại ngữ, Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, Khoa Tiếng anh.
Chức vụ đang nắm giữ:	Phó Tổng Giám đốc kiêm nhiệm Giám đốc khối Vận hành – Ngân hàng TMCP Tiên Phong.
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không
Quá trình công tác	
Từ 1993 đến 1997	Chuyên viên Thanh toán quốc tế - VID Public Bank, Hà Nội
Từ 1997 đến 2000	Trưởng Phòng Thanh toán quốc tế. Quan hệ đại lý, Nguồn vốn, SWIFT - VID Public Bank, Hà Nội
Từ 01/2001 đến 01/2002	Giám đốc chi nhánh - VID Public Bank, CN Hải Phòng
Từ 2002 đến 2004	Trưởng phòng Thanh toán quốc tế, Quan hệ đại lý, Nguồn vốn, SWIFT - VID Public Bank, Hà Nội
Từ 01/2004 đến 01/2007	Giám đốc Sở Giao dịch Hà Nội-VID Pulic bank
Từ 2007 đến 09/2010	Giám đốc Trung tâm thanh toán – Ngân hàng TMCP Tiên Phong.
Từ 9/2010 đến 04/2011	Giám đốc Cao cấp phụ trách Nghiệp vụ – Ngân hàng TMCP Tiên Phong.
Từ 4/2011 đến 9/2012	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Cao cấp Khối Nghiệp vụ, kiêm Giám đốc Khối Nguồn lực và phát triển mạng lưới – Ngân hàng TMCP Tiên Phong.
Từ 20/9/2012 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm nhiệm Giám đốc khối Vận hành – Ngân hàng TMCP Tiên Phong.
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	0
Cá nhân sở hữu	0
Đại diện sở hữu	0
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:	0
Các khoản nợ với công ty	0
Lợi ích liên quan đối với tổ	0



chức phát hành

12.1 Sơ yếu lý lịch Ban Kiểm Soát

Họ và tên:	NGUYỄN THỊ BẢO
Số CMND:	011347022
Ngày cấp:	12/04/2008
Nơi cấp:	CA HN
Trình độ chuyên môn:	Đại học Ngoại thương
Chức vụ đang nắm giữ:	Trưởng ban kiểm soát Ngân Hàng TMCP Tiên Phong
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không
Quá trình công tác	
Từ 1974 đến 1979	Sinh viên khoa Pháp văn, kinh tế Ngoại thương, trường Đại học Ngoại thương
Từ 1979 đến 1990	Làm việc ở Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam tại các phòng Thanh toán phi mậu dịch, thanh toán chuyển tiền, thanh toán xuất nhập khẩu, vay nợ viện trợ (triển khai thanh toán và giải ngân các khoản vốn vay chính phủ, ODA, viện trợ chính phủ...)
Từ 1990 đến 1993	Phó phòng thanh toán Nhập khẩu (Triển khai các phương thức thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại phục vụ cho việc xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp)
Từ 1993 đến 1994	Phó phòng Đầu tư và Bảo lãnh
Từ 1994 đến 1996	Trưởng phòng Đầu tư và Bảo lãnh (Đầu tư cho vay các dự án trung dài hạn, các dự án có nguồn vốn hỗn hợp. Phát hành các bảo lãnh vay vốn nước ngoài để thực hiện các dự án của Chính phủ, của các bộ ngành và doanh nghiệp)
Từ 1996 đến 1998	Trưởng phòng Tín dụng (Cho vay các doanh nghiệp và thể nhân)
Từ 1998 đến 2000	Trưởng phòng Thẩm định đầu tư và chứng khoán (Đầu tư tài chính dưới hình thức mua trái phiếu, cổ phiếu và góp vốn vào các công ty)
Từ 2000 đến 2011	Phó giám đốc Sở giao dịch NHNTVN phụ trách các nghiệp vụ thanh toán quốc tế, bảo lãnh, đầu tư dự án, tín dụng, thanh toán thẻ, hối đoái, vay nợ viện trợ, kế toán giao dịch, ngân quỹ ...
Từ 2002 đến 2009	Thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội, đại diện cho phần vốn góp của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam



Từ 2011 đến 04/2012	Nghỉ hưu
Từ 04/2012 đến 04/2013	Cố vấn cao cấp HĐQT Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Từ 04/2013 đến nay	Trưởng ban kiểm soát tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	0
Cá nhân sở hữu	0
Đại diện sở hữu	0
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu:	0
Các khoản nợ với công ty	0
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	0

Họ và tên:	THÁI DUY NGHĨA
Số CMND:	011553866
Ngày cấp:	27/08/2012
Nơi cấp:	CA HN
Trình độ chuyên môn:	Học viện Ngân hàng
Chức vụ đang nắm giữ:	Thành viên Ban kiểm soát - Trung tâm Kiểm toán nội bộ - Ban Kiểm soát
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không
Quá trình công tác	
Từ 1982 đến 1986	Sinh viên Trường Cao cấp nghiệp vụ Ngân hàng, Chuyên ngành tín dụng
Từ 1987 đến 1989	Cán bộ tổng hợp Chi nhánh Ngân hàng quận Ba Đình
Từ 1990	Kế toán tổng hợp Phòng đại diện NHNN quận Ba Đình
Từ 1991 đến 1992	Cán bộ Thanh tra NHNN Chi nhánh Hà Nội
Từ 1993 đến 05/2008	Cán bộ Thanh tra NHNN Trung ương, Phó Trưởng phòng Thanh tra các TCTD nước ngoài NHNN Trung ương
Từ 06/2008 đến 11/2008	Trưởng phòng KSNB và Quản lý chất lượng- NHTMCP Tiên



	Phong
Từ 12/2008 đến 01/2011	Phó phòng kiểm toán nội bộ- NHTMCP Tiên Phong
Từ 02/2011 đến 05/2012	Trưởng phòng kiểm soát trực tiếp - NHTMCP Tiên Phong
Từ 06/2012 đến 12/2012	Phó trưởng ban KTNB
Từ 01/2013 đến 03/2013	Phó phòng Kiểm toán Mạng lưới bán hàng và Kênh phân phối-Trung tâm KTNB
Từ 04/2013 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát TPBank.
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	11.429
Cá nhân sở hữu	11.429
Đại diện sở hữu	0
Số cổ phần những người có liên quan sở hữu: 0	
Các khoản nợ với công ty	0
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	0

Họ và tên:	TOMOHIRO YAMAGUCHI
Số CMND:	TZ1043357
Ngày cấp:	03/03/2015
Nơi cấp:	Lãnh sự quán Nhật Bản tại Hong Kong
Trình độ chuyên môn:	Trường Đại học Waseda, Nhật Bản
Chức vụ đang nắm giữ:	Thành viên Ban kiểm soát - Trung tâm Kiểm toán nội bộ - Ban Kiểm soát
Chức vụ tại các tổ chức khác:	<ul style="list-style-type: none"> + SBI Holdings, Inc.(Từ Tháng 1/11/ 2015 đến nay): Trưởng Phòng quản trị kinh doanh ở nước ngoài + SBI Hong Kong Holdings Co., Limited (Từ Tháng 14/12/2015 đến nay): Giám đốc + Tập đoàn SBI Holdings tại Hàn Quốc (Từ Tháng 17/12/2015 đến nay): Kiểm toán + Tập đoàn SBI-Jefferies đầu tư chiến lược tại Đông Nam Á (Từ Tháng 4 /1/2016 đến nay) Giám đốc

- + SBI Ven Holdings Pte.Ltd.(Từ Tháng 4/1/ 2016 đến nay): Giám đốc
- + SBI Ventures Malaysia Sdn. Bhd, (Từ Tháng 4 /1/ 2016 đến nay): Giám đốc
- + Công ty CP quản lý quỹ đầu tư FPT (Từ Tháng 27/1/ 2016 đến nay): Cổ vấn
- + SBI Ven Capital Pte Ltd (Từ Tháng 10/2/ 2016 đến nay): Giám đốc
- + SBIH Investment Vietnam I & II Pte. Ltd.(Từ Tháng 27 /6/ 2016 đến nay): Giám đốc
- + SBI (B) SDN BHD,(Từ Tháng 10 /8/ 2016 đến nay): Giám đốc

Quá trình công tác

Từ 1989 đến 1998

Sinh viên Trường Đại học Waseda, Nhật Bản

Từ 04/1998 đến 09/1999

Công ty Thuế YAMATO, Nhật Bản, Quản lý - Phòng thuế quốc tế

Từ 01/2000 đến 08/2001

Công ty Chứng nhận thuế công Yamada & partners , Quản lý – phòng chào bán cổ phiếu

Từ 09/2001 đến 12/2003

Công ty tài chính Softbank ,Nhật Bản, Quản lý- phòng tài chính

Từ 01/2004 đến 05/2006

VeriTrans Inc., chức danh Giám đốc điều hành

Từ 06/2006 đến 09/2015

VeriTrans Inc., chức danh Giám đốc tài chính

Từ 11/2015 đến nay

SBI Holdings, Inc., Trưởng Phòng quản trị kinh doanh ở nước ngoài

Từ 12/2015 đến nay

SBI Hong Kong Holdings Co., Limited, Giám đốc;

Tập đoàn SBI Holdings tại Hàn Quốc, Kiểm toán

Từ 01/2016 đến nay

Tập đoàn SBI-Jefferies đầu tư chiến lược tại Đông Nam Á, Giám đốc;

SBI Ven Holdings Pte.Ltd., Giám đốc;

SBI Ventures Malaysia Sdn. Bhd, Giám đốc;

Công ty CP quản lý quỹ đầu tư FPT, Cổ vấn.

Từ 02/2016 đến nay

SBI Ven Capital Pte Ltd, Giám đốc

Từ 06/2016 đến nay

SBIH Investment Vietnam I & II Pte. Ltd., Giám đốc

Từ 08/2016 đến nay

SBI (B) SDN BHD, Giám đốc;

Công ty liên doanh quản lý vốn SBI & TH (Bắc Kinh), Giám đốc;

SBI Ventures Singapore Pte. Ltd., Giám đốc

Từ 12/2016 đến nay

Công ty TNHH Đầu tư PNB – SBI ASEAN, Giám đốc

Số lượng cổ phần đang nắm giữ 0

Cá nhân sở hữu 0

Đại diện sở hữu 0

Số cổ phần những người có liên quan sở hữu: 0

Các khoản nợ với công ty 0

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành 0

Họ và tên:	LÊ CẨM TÚ
Số CMND:	011807450
Ngày cấp:	10/11/2009
Nơi cấp:	CA HN
Trình độ chuyên môn:	Kế toán
Chức vụ đang nắm giữ:	Phó giám đốc Khối Tài Chính kiêm nhiệm Kế toán trưởng
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không
Quá trình công tác	
Từ 1996 đến 2001	Kế toán viên Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
Từ 2001 đến 2004	Phó phòng tài chính kế toán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
Từ 2004 đến 2006	Quyền trưởng phòng tài chính kế toán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
Từ 2006 đến 2010	Trưởng phòng tài chính kế toán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
Từ 2010 đến 2012	Phó Giám đốc tài chính kiêm Trưởng phòng tài chính kế toán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
Từ 2012 đến 2013	Phó phòng TCKT 2 Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
Từ 2013 đến 2016	Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Tiên Phong

Từ 2016 đến nay
Phó giám đốc Khối Tài Chính kiêm Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Tiên Phong

Số lượng cổ phần đang nắm giữ 0

Cá nhân sở hữu 0

Đại diện sở hữu 0

Số cổ phần những người có liên quan sở hữu: 0

Các khoản nợ với công ty 0

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành 0

13. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

Giá trị tài sản theo báo cáo tài chính kiểm toán tại thời điểm 31/12/2017 như sau:

Bảng 20: Tình hình tài sản công ty tính đến thời điểm 31/12/2017

Tài sản	Nguyên giá (Triệu VND)	Giá trị hao mòn (Triệu VND)	Giá trị còn lại (Triệu VND)
Tài sản cố định hữu hình	355.912	181.020	174.892
Máy móc, thiết bị	164.294	91.415	72.879
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	39.004	20.097	18.907
Thiết bị, dụng cụ quản lý	146.696	66.203	80.493
Tài sản cố định khác	5.918	3.305	2.613
Tài sản cố định vô hình	162.708	86.828	75.880
Phần mềm máy tính	162.708	86.828	75.880

Nguồn: BCTC 2017 đã được kiểm toán của TPBank

14. Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

14.1. Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Để nâng cao năng lực tài chính, bổ sung quy mô vốn hoạt động kinh doanh, ngày 07/12/2017, ĐHCĐ TPBank đã có Nghị quyết số 02/2017/NQ-thông qua kế hoạch phát hành riêng lẻ, theo đó:

- Tổng số lượng cổ phần hiện tại: 584.210.500 cổ phần, tương ứng với quy mô vốn điều lệ 5.842.105.000.000 đồng;
- Tổng số cổ phần dự kiến chào bán: 87.631.575 cổ phần, tương ứng với tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán (theo mệnh giá): 876.315.750.000 đồng;
- Số lượng cổ phần dự kiến sau phát hành: 671.842.075 cổ phần, tương ứng với quy mô vốn điều lệ mới sau phát hành là 6.718.420.750.000 đồng.

Thời gian phát hành: Sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận cho việc phát hành.

14.2. Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2018- 2019

Bảng 21: Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2018 – 2019

Đơn vị: Tỷ đồng

	Năm 2018		Năm 2019	
	Kế hoạch Năm 2018	% thay đổi so với năm 2017	Kế hoạch Năm 2019	% thay đổi so với năm 2018
Vốn chủ sở hữu	10.928	63,67%	14.389	31,67%
Dư nợ cho vay khách hàng	75.507	17,97%	88.173	16,77%
Lợi nhuận sau thuế	1.600	66,04%	1.949	21,81%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Dư nợ cho vay khách hàng bình quân	2,29%	32,50%	2,38%	3,83%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	18,18%	16,56%	15,40%	-15,30%
Cổ tức	8%	N/A	12%	N/A

Nguồn: TPBank

14.3. Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2017 và 2018

14.3.1. Các chiến lược kinh doanh

Một số định hướng kinh doanh chủ đạo của TPBank nhằm đạt được kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận nói trên bao gồm:

- Tiếp tục thực hiện chiến lược đến năm 2020 theo lộ trình đã đề ra, năm 2018 với mục tiêu phát triển bền vững và hiệu quả, phấn đấu trở thành một trong những ngân hàng hàng đầu Việt Nam, TPBank sẽ ưu tiên tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn đã được xác định như đẩy mạnh tài trợ các công ty, đơn vị ứng dụng công nghệ cao, tập trung lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt các doanh nghiệp vừa và nhỏ, khách hàng ưu tiên. Đây cũng là các lĩnh vực trọng tâm, được ưu tiên phát triển ở Việt Nam, hứa hẹn sẽ là mảnh đất giàu tiềm năng cho sự phát triển của ngân hàng, đồng thời đây cũng là những lĩnh vực TPBank có ưu thế cạnh tranh nổi trội so với các ngân hàng khác, đặc biệt là với mục tiêu trở thành Ngân hàng Số (Digital Bank) hàng đầu Việt Nam.
- Bên cạnh các mục tiêu trên, TPBank tiếp tục củng cố các yếu tố nền tảng như hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống thông tin quản trị, hạ tầng công nghệ, kiện toàn bộ máy tổ chức và tăng cường nhằm nâng cao chất lượng hoạt động toàn ngân hàng.

Cụ thể định hướng phát triển với từng mảng hoạt động của Ngân hàng như sau:

a. Định hướng đối với phân khúc khách hàng Cá nhân

Đối tượng khách hàng

Đẩy mạnh phát triển và khai thác các phân khúc khách hàng đã định vụ bao gồm: Phân khúc khách hàng đại chúng, phân khúc khách hàng cao cấp, phân khúc khách hàng Digital. Trong đó đẩy mạnh số lượng khách hàng mới sử dụng các sản phẩm Ngân hàng số - Digital Bank, khách hàng trả lương, khách hàng cao cấp.

Sản phẩm, dịch vụ

- Tăng cường huy động vốn từ dân cư trên cả kênh truyền thống và kênh điện tử, thay đổi cơ cấu huy động để tăng nguồn vốn trung dài hạn, đảm bảo đủ vốn, đảm bảo các tỷ lệ quy định của NHNN, trong khi vẫn đảm bảo hiệu quả kinh doanh.
- Đóng gói và cá nhân hóa các nhóm sản phẩm theo từng phân khúc khách hàng dựa trên phân tích dữ liệu hành vi, dữ liệu nhân khẩu học khách hàng phù hợp với đặc điểm của từng kênh bán.
- Triển khai các sản phẩm Ngân hàng số - Digital Bank mới hướng đến những nhóm khách hàng mục tiêu cụ thể có nhu cầu về tiết kiệm, thanh toán, tài trợ vốn siêu nhỏ, triển khai phù hợp với tổng thể chiến lược ngân hàng số và mức độ hoàn thiện của hạ tầng hệ thống, các kênh bán Ngân hàng số.
- Ưu tiên phát triển các sản phẩm cho vay tín chấp, sản phẩm thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ quốc tế hướng đến tệp khách hàng mục tiêu số lượng lớn. Triển khai các sản phẩm tài chính tiêu dùng, phát triển các tiện ích đi kèm, gia tăng tính cạnh tranh trên thị trường.
- Tiếp tục đa dạng hóa và hoàn thiện các chính sách khuyến khích bán sản phẩm Bancassurance, các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ dành cho khách hàng doanh nghiệp và cá nhân.
- Hoàn thiện cơ chế và các công cụ quản trị sản phẩm dựa trên dữ liệu lớn, quản trị PnL sản phẩm.

Phát triển kênh bán

- Chú trọng phát triển các kênh chuyên trách để tìm kiếm khách hàng mới, đồng thời khai thác khách hàng hiện có thuộc các phân khúc khách hàng mục tiêu cụ thể: Kênh PB, Kênh Digital, Kênh chi nhánh, Kênh bán trực tiếp, các trung tâm chuyên doanh cho vay mua ô tô.
- Xây dựng và vận hành các kênh bán, đơn vị bán chuyên môn hóa cho sản phẩm cho vay mua ô tô, cho vay tín chấp, thẻ tín dụng. Tiếp tục đưa vào ứng dụng các kênh kinh doanh mới như Live Bank, TTKD chuyên doanh sản phẩm mui nhọn, hợp tác đối tác. Chú trọng phát triển các đội bán chuyên cho các sản phẩm chính, lực lượng bán theo phương thức Digital Sales.
- Tổ chức bán các sản phẩm, dịch vụ cho phân khúc khách hàng cao cấp thông qua Trung tâm KHCC, có chức năng chuyên về kinh doanh.

b. Định hướng với phân khúc khách hàng Doanh nghiệp

Thị trường và khách hàng

- Ưu tiên đẩy mạnh phát triển phân khúc khách hàng SME, có tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động trong các nhóm ngành ưu tiên theo định hướng của TPBank
- Đẩy mạnh việc thâm nhập sâu hơn, mở rộng cơ sở khách hàng đối với một số ngành trọng điểm là các ngành TPBank đã có kinh nghiệm và quan hệ bao gồm ngành xây lắp, gạo, điều, cao su.
- Tiếp tục thâm nhập sâu hơn một số ngành TPBank mới thâm nhập bước đầu bao gồm các ngành như: Dược phẩm và TBYT, viễn thông tin học, môi trường, cấp nước, nhà thầu EVN và thiết bị điện, gỗ.
- Tìm kiếm và phát triển thêm một số thị trường ngách.



Sản phẩm dịch vụ

- Đẩy mạnh huy động vốn từ các doanh nghiệp để đảm bảo đủ vốn cho tăng trưởng tín dụng.
- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ bao gồm: Tập trung đẩy bán sản phẩm bảo lãnh, tăng cơ sở khách hàng, tăng doanh số sản phẩm Thanh toán quốc tế; đẩy mạnh các dịch vụ thực hiện qua ebank bao gồm Quản lý tài khoản tập trung, Thanh toán dịch vụ như điện, nước, học phí. Tăng cường bán chéo sản phẩm bảo hiểm cho các Doanh nghiệp và Chủ doanh nghiệp.
- Phát triển các sản phẩm riêng cho phân khúc SME như: Hoàn thiện sản phẩm cho vay nhanh, Ban hành sản phẩm cho vay tín chấp, sản phẩm thấu chi, thẻ Visa.
- Tập trung đẩy mạnh tăng cường CASA thông qua việc tăng số lượng doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trả lương và doanh nghiệp sử dụng tài khoản TPBank làm tài khoản thanh toán chính, gia tăng tiền gửi ký quỹ thông qua đẩy mạnh bán sản phẩm bảo lãnh, LC.
- Xây dựng chính sách khách hàng doanh nghiệp toàn diện, tăng bán chéo sản phẩm với khối RB.

c. Định hướng đối với phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn

Thị trường và khách hàng

- Tiếp tục đẩy mạnh tiếp cận các Doanh nghiệp Nhà nước, các tập đoàn kinh tế lớn mạnh, các doanh nghiệp FDI, các công ty đa quốc gia.
- Phát triển nhóm khách hàng tiềm năng về ngoại bảng và ngoại hối
- Tập trung tiếp cận một số ngành phát triển và có cơ hội khai thác như giao thông vận tải, cơ sở hạ tầng, xây dựng, bất động sản, sản xuất hàng tiêu dùng
- Xây dựng các chương trình phối hợp với Khối RB, CB cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính cho các lãnh đạo, CBCNV doanh nghiệp thuộc phân khúc IB, cũng như các nhà cung cấp của các khách hàng doanh nghiệp lớn.
- Lựa chọn khách hàng tốt để tăng cường bán dịch vụ trả lương (payroll)

Sản phẩm, dịch vụ

- Tiếp tục khai thác, tìm kiếm các khoản vay có mức sinh lời cao
- Thúc đẩy chương trình Name Lending và các sản phẩm cấu trúc USD/VND, kích hoạt các hạn mức ngắn hạn và thúc đẩy hoạt động bảo lãnh, tài trợ thương mại để tối ưu hóa việc sử dụng hạn mức tăng trưởng tín dụng của ngân hàng.
- Xây dựng các sản phẩm liên quan tới Digital Bank: Triển khai dịch vụ thu hội trên kênh điện tử với một số nhà cung cấp dịch vụ lớn như điện, viên thông
- Gia tăng việc sử dụng nhiều sản phẩm dịch vụ đối với khách hàng hiện hữu, tăng cường bán chéo các sản phẩm khác với khối RB, CB. Đặc biệt, phối hợp với CB bổ sung sản phẩm để đảm bảo tính cạnh tranh của TPBank.

14.3.2. Các chỉ báo định tính

- Số dư cho vay khách hàng dự kiến tăng trưởng 18%/năm theo hạn mức tăng trưởng tín dụng của NHNN;
- Gia tăng biên thu nhập lãi thuần ~20 bps/năm trên cơ sở đảm bảo tính cạnh tranh với mặt bằng lãi suất chung của thị trường;

- Việc TPBank dự kiến huy động được 876 tỷ đồng theo mệnh giá (*chưa bao gồm thặng dư từ đợt phát hành*), năng lực tài chính của TPBank dự kiến sẽ được tăng cường. Đây là tiền đề để Ngân hàng bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh, tăng khả năng đáp ứng các chỉ tiêu về an toàn vốn của Ngân hàng Nhà nước và tăng tính khả thi của việc đạt được kế hoạch kinh doanh trong năm 2018.

14.3.3. Đánh giá thuận lợi và khó khăn

Về thuận lợi: Tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2018 được dự báo sẽ tiếp tục đà phục hồi, được dự báo cao hơn năm 2017. Kinh tế trong nước 2018 cũng được dự báo sẽ tiếp tục xu hướng cải thiện tích cực, trong đó GDP dự báo ở mức 6,4% - 6,8%, lạm phát được kiểm soát ở mức 4%, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 9-10%. Tiếp tục đà tăng trưởng này là nhờ vào các yếu tố: gia tăng hoạt động trong các lĩnh vực chế tạo, xây dựng, thương mại bán buôn, bán lẻ, ngân hàng và dịch vụ, môi trường kinh doanh ngày càng cải thiện, hội nhập kinh tế sâu rộng, và đặc biệt là những nỗ lực quyết liệt từ Chính phủ trong tháo gỡ khó khăn của doanh nghiệp trong năm 2017 sẽ phát huy hiệu quả trong năm 2018.

Về các mặt khó khăn: Nền kinh tế hiện vẫn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất lợi: mất cân đối ngân sách, áp lực lạm phát gia tăng, nợ xấu tiềm ẩn nhiều rủi ro, sự sụt giảm của ngành khai khoáng, giá dầu thế giới diễn biến phức tạp. Những yếu tố này có thể gây áp lực lên tăng trưởng nền kinh tế.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã thu thập và xem xét các thông tin về hoạt động kinh doanh do Công ty cung cấp tại thời điểm lập Bản cáo bạch TPBank đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho SSI và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, kế hoạch kinh doanh của TPBank được xây dựng dựa trên tiềm lực thực tế của công ty và tiềm năng tăng trưởng của ngành ngân hàng. Trong năm 2017, công ty đã hoàn thành toàn bộ các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được ĐHCĐ đề ra. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2018 của Công ty được đánh giá là hợp lý và có thể thực hiện được nếu hoạt động huy động và giải ngân tín dụng hoạt động ổn định, bình thường, cùng với việc mở rộng thêm hệ thống chi nhánh và Livebank mới mở đi vào hoạt động như dự kiến và không có những biến động bất thường.

Lưu ý: Những đánh giá và nhận định của tổ chức tư vấn chỉ mang tính chất tham khảo, không đảm bảo chắc chắn cho kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty cũng như bao hàm hay đảm bảo cho giá cổ phiếu của TPBank.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

17.1. Về các tranh chấp với khách hàng trong các giao dịch cho vay/thu hồi nợ

Đây là các tranh chấp có bản chất liên quan đến hợp đồng dân sự, thương mại (hợp đồng tín dụng), với tổng giá trị tranh chấp đến thời điểm 31/12/2017 đạt 652.581.884.201 đồng trong các năm 2014 - 2017. Trong quá trình phát sinh tranh chấp, TPBank là phía yêu cầu khách hàng trả nợ, yêu cầu

Tòa tuyên TPBank được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản đảm bảo. Hầu hết các vụ án đều đang trong quá trình thụ lý, xử lý thủ tục phát mại TSĐB...

Các khoản tín dụng thuộc diện tranh chấp đều đã được trích lập đúng và đầy đủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về trích lập dự phòng. Tổng giá trị trích lập với các tranh chấp trong nhóm này đạt 188.890.544.924 đồng.

17.2. Về việc TPBank tham gia với tư cách là bên có liên quan trong vụ án Phạm Công Danh giai đoạn 2

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2013 đến tháng 12/2013, TPBank đã cho vay tổng cộng 11 công ty có liên quan trong vụ án Phạm Công Danh, và tất cả các khoản vay của 11 công ty đều được Ngân hàng TMCP Xây dựng Việt Nam (“VNCB”) bảo lãnh/bảo đảm bằng tiền gửi của VNCB gửi tại TPBank. Ngoài ra, các khoản vay này còn được bảo đảm (cầm cố) bằng các trái phiếu do Tập đoàn Thiên Thanh và Công ty Trung Dung phát hành.

Do khách hàng vi phạm nghĩa vụ với TPBank, TPBank đã yêu cầu khách hàng trả nợ trước hạn, tuy nhiên các Khách hàng này không thực hiện việc trả nợ cho TPBank. Theo đó, căn cứ vào việc các khoản vay đều có tài sản bảo đảm, TPBank đã tiến hành trích tiền gửi của VNCB tại TPBank để thu hồi đầy đủ toàn bộ số nợ của 11 Công ty được VNCB bảo lãnh/bảo đảm, phần tiền còn lại đã được TPBank chuyển trả cho VNCB.

Kết luận giám định của Đoàn Giám định Ngân hàng Nhà nước khẳng định rằng việc VNCB bị TPBank trích nợ tự động số tiền 1.736.864.316.167 đồng (1.666.800.000.000 đồng tiền gốc và 70.064.316.167 đồng tiền lãi) để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho 11 công ty là phù hợp quy định pháp luật và thỏa thuận giữa các bên, và TPBank không có thiệt hại trong việc cho vay đối với 11 công ty liên quan đến Phạm Công Danh. Nội dung nêu trên của kết luận giám định cũng được ghi nhận trong kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Bộ Công an và cáo trạng của Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao.

Ngày 07/01/2018, Vụ án Phạm Công Danh giai đoạn 2 đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra xét xử sơ thẩm. Do còn một số nội dung chưa được làm rõ, ngày 07/02/2018, Hội đồng Xét xử đã ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung. TPBank sẽ tiếp tục phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm rõ Vụ án, đồng thời tham gia, theo dõi diễn biến của phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của TPBank. TPBank sẽ công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật khi có kết luận cuối cùng liên quan đến việc này.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá chứng khoán

10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần.

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

555.000.000 cổ phần (*Bằng chữ: Năm trăm năm mươi lăm triệu cổ phần*).

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật

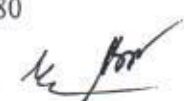
Khi cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán, theo quy định tại Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và quy chế niêm yết của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM, cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

Đồng thời, căn cứ Điều 51.1 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010, cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

Theo đó, danh sách tổng hợp hạn chế chuyển nhượng trong vòng 06 tháng và 01 năm kể từ ngày TPBank thực hiện niêm yết như sau:

Bảng 22: Danh sách hạn chế chuyển nhượng 06 tháng và 01 năm kể từ ngày niêm yết

STT	Họ và tên	Chức vụ	SCLP bị hạn chế chuyển nhượng	
			06 tháng kể từ ngày niêm yết	1 năm kể từ ngày niêm yết
Hội đồng Quản trị				
1	Ông Đỗ Minh Phú	Chủ tịch HĐQT	0	0
2	Ông Lê Quang Tiến	Phó Chủ tịch HĐQT	27.000.000	27.000.000
3	Ông Đỗ Anh Tú	Phó Chủ tịch HĐQT	27.750.000	27.750.000
4	Ông Shuzo Shikata	Phó Chủ tịch HĐQT	0	0



STT	Họ và tên	Chức vụ	SCLP bị hạn chế chuyển nhượng	
			06 tháng kể từ ngày niêm yết	1 năm kể từ ngày niêm yết
5	Bà Nguyễn Thu Hà	Thành viên độc lập	0	0
6	Phạm Công Tứ	Thành viên HĐQT	0	0
7	Ông Phan Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	0	0
8	Ông Kento Tokimori	Thành viên HĐQT	0	0
9	Ông Ha Hong Sik	Thành viên HĐQT	0	0
Ban Kiểm soát				
1	Bà Nguyễn Thị Bảo	Trưởng ban kiểm soát	0	0
2	Ông Thái Duy Nghĩa	Thành viên chuyên trách	11.429	11.429
3	Ông Tomohiro Yamaguchi	Thành viên	0	0
Ban Tổng Giám đốc				
1	Ông Nguyễn Hưng	Tổng Giám đốc	0	0
2	Ông Phạm Đông Anh	Phó Tổng Giám đốc	0	0
3	Ông Nguyễn Hồng Quân	Phó Tổng Giám đốc	0	0
4	Ông Nguyễn Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc	0	0
5	Ông Lê Hồng Nam	Phó Tổng Giám đốc	0	0
6	Ông Khúc Văn Họa	Phó Tổng	5.427	2.713

STT	Họ và tên	Chức vụ	SCLP bị hạn chế chuyển nhượng	
			06 tháng kể từ ngày niêm yết	1 năm kể từ ngày niêm yết
		Giám đốc		
7	Bà Bùi Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc	0	0
8	Ông Đinh Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc	0	0
Khởi tài chính				
1	Bà Lê Cẩm Tú	Kế toán trưởng	0	0
Cổ đông lớn có liên quan đến thành viên HĐQT				
1	Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Doji		44.400.000	44.400.000
2	Tổng công ty tái bảo hiểm quốc gia		30.000.000	30.000.000
	Tổng		129.166.856	129.164.142

5. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu của cổ phần TPBank là giá được tính toán dựa trên so sánh giá cổ phần trên (i) Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (“Phương pháp P/B”) và (ii) So sánh giá trị lợi nhuận trên mỗi cổ phần (“Phương pháp P/E”). Theo đó, giá tham chiếu của mỗi cổ phiếu TPB dao động trong khoảng từ 35.200 đồng/cổ phiếu đến 37.656 đồng/cổ phiếu, cụ thể như sau:

5.1. Phương pháp P/B

- Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của TPBank tại thời điểm 31/12/2017 là 11.429 đồng/cổ phiếu theo BCTC năm 2017 đã được kiểm toán của TPBank.

Các ngân hàng được lựa chọn tham chiếu so sánh thỏa mãn các tiêu chí:

- Có hoạt động kinh doanh tốt, lành mạnh, đã niêm yết tại HOSE/HNX/UpCom;
- Có quy mô vốn điều lệ khoảng từ 5.000 đến 10.000 tỷ đồng;

Theo đó, hệ thống các ngân hàng được lựa chọn tham chiếu như sau:

Mã CK	Tên	Sàn	P/B Chỉ số TTM Ngày GD: 2018-03-19 Đơn vị: Lần	Giá đóng cửa (D) Ngày GD: 2018-03-19 Đơn vị: VND	Giá trị sổ sách/một cổ phiếu (BV) Đơn vị: VND
ACB	Ngân hàng Á Châu	HNX	3,41	53.200	15.604
HDB	HDBank	HOSE	3,15	45.200	14.348
VIB	VIBBank	UPCOM	2,67	41.500	15.568
	Bình quân		3,08		

Nguồn: FiinPro

Giá trị mỗi cổ phiếu của TPBank được xác định như sau:

	GTSS/CP	P/B	Giá tham chiếu (đồng)
Phương pháp P/B theo giá trị sổ sách ngày 31/12/2017	11.429	3,08	35.200

5.2. Phương pháp P/E

- EPS của TPBank tại thời điểm 31/12/2017 là 1.649 đồng/cổ phần theo BCTC năm 2017 đã được kiểm toán của TPBank.

Mã CK	Tên	Sàn	P/E cơ bản Chỉ số TTM Ngày GD: 2018-03-19 Đơn vị: Lần	Giá đóng cửa (D) Ngày GD: 2018-03-19 Đơn vị: VND	EPS cơ bản Chỉ số TTM Ngày GD: 2018-03-19 Đơn vị: VND
ACB	Ngân hàng Á Châu	HNX	24,77	53.200	2.148
HDB	HDBank	HOSE	22,99	45.200	1.966
VIB	VIBBank	UPCOM	20,73	41.500	2.002
	Bình quân		22,83		

Nguồn: FiinPro

Giá trị mỗi cổ phiếu của TPBank được xác định như sau:

	EPS	P/E	Giá tham chiếu (đồng)
Phương pháp P/E (EPS tại thời điểm 31/12/2017)	1.649	22,83	37.656

5.3. Kết luận về phương pháp tính giá

Theo phương pháp so sánh P/B & P/E, TPBank có mức giá từ 35.200 đồng/cổ phiếu đến 37.656 đồng/cổ phiếu. Trung bình các phương pháp, kết quả xác định giá tham chiếu mỗi cổ phần TPB như sau:

Tổng kết các phương pháp xác định giá trị	Kết quả (đồng/cổ phiếu)
Phương pháp P/E (EPS tại thời điểm 31/12/2017)	35.200
Phương pháp P/B (BV theo giá trị sổ sách ngày 31/12/2017)	37.656
Bình quân các phương pháp	36.428

Hội đồng Quản trị TPBank ngày 21/03/2018 đã ra quyết định số 05/2018/NQ-TPB.HĐQT, trong đó giá chào sàn của cổ phiếu TPB tại HOSE được xác định ở mức 32.000 đồng/cổ phiếu.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tỷ lệ nắm giữ với cổ đông nước ngoài được giới hạn ở mức 30% theo Nghị định 01/2014/NĐ-CP về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam ngày 03 tháng 01 năm 2014. Tỷ lệ sở hữu hiện tại của cổ đông nước ngoài tại TPBank tại ngày 21/03/2018 là 24,89%.

7. Các loại thuế có liên quan

7.1. Đối với Công ty

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ “*Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính*” thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ là 20%.

b. Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của *Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.*

Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là: 10%

7.2. Đối với nhà đầu tư

a. Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 26/2012/QH13 ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:

- Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
- Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0.1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
- Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0.1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
- Kỳ tính thuế:
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

b. Đối với nhà đầu tư tổ chức

- Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:
- Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

+ Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.

+ Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

- Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM
Điện thoại: (84-28) 38.242.897 Fax: (84-28) 38.242.997
Website: <http://www.ssi.com.vn>

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3831 5100 Fax: (84-24) 3831 5090
Website: <http://www.ey.com>

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 6288 3568 Fax: (84-24) 6288 5678
Website: <http://www.deloitte.com/vn>

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2018

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN TIÊN PHONG



ĐỖ MINH PHÚ
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

NGUYỄN HƯNG
Tổng Giám Đốc

BÙI THỊ THANH HƯƠNG
Phó Tổng Giám Đốc

LÊ CẨM TÚ
Kế Toán Trưởng

NGUYỄN THỊ BẢO
Trưởng Ban Kiểm Soát

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN



NGUYỄN NGỌC ANH
Giám Đốc Phụ Trách Phía Bắc Khối Dịch Vụ Ngân Hàng Đầu Tư

VII. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN

STT	Tên tài liệu
I	Quy định chung
1	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 16/11/2014 có hiệu lực từ 1/7/2015
2	Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006
3	Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008
4	Nghị định số 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp
5	Luật Phòng, chống rửa tiền số 07/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội
6	Nghị định số 12/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/02/2015 quy định chi tiết một số điều của Luật thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế
II	Văn bản liên quan đến lĩnh vực chứng khoán
1	Luật chứng khoán số 70/2006/QH11
2	Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 chỉnh sửa bổ sung luật chứng khoán số 70/2006/QH11
3	Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán
4	Thông tư 155/2015/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
5	Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 09 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán
6	Nghị định 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán
7	Thông tư số 202/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về niêm yết chứng khoán trên Sở Giao dịch chứng khoán
8	Thông tư số 29/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 202/2015/TT-BTC
9	Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc sở hữu nhà đầu tư nước ngoài
10	Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 7 năm 2012 về quản trị áp dụng cho các công ty đại chúng
11	Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24 tháng 7 năm 2013 của Tổng Giám đốc SGDCCK Tp.HCM về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin tại SGDCCK Tp.HCM

- 12 Quyết định số 346/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 08 n ăm 2016 của Tổng Giám đốc SGDCK Tp.HCM về việc ban hành Quy chế niêm yết tại SGDCK Tp.HCM
- III Văn bản liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực tín dụng
 - 1 Luật Các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 29 tháng 6 năm 2010
 - 2 Nghị định số 01/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 n ăm 2014 của Chính phủ quy định về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam
 - 3 Nghị định số 10/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 141/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2006 về ban hành Danh mục mức vốn pháp định của các tổ chức tín dụng

VIII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, 2016 và 2017